

MỤC LỤC

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	9
1. Tên chủ cơ sở:	9
2. Tên cơ sở:	9
2.1 Địa điểm hoạt động	9
2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án.	10
2.3 Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần (nếu có).	12
2.4 Quy mô của cơ sở:	13
2.5 Loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ:	13
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	15
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	15
3.2 Phạm vi đề nghị cấp phép môi trường của Cơ sở	19
3.3. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	20
3.4. Sản phẩm của cơ sở:	21
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	21
4.1. Danh mục máy móc thiết bị:	21
4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	22
4.3. Nguồn cung cấp điện, nước	23
4.3.1. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng	23
4.3.2. Nguồn cung cấp điện và lượng điện sử dụng	27
5. Các thông tin khác có liên quan đến cơ sở	27
5.1. Vị trí địa lý và hiện trạng môi trường khu vực	27
5.2. Mục tiêu của cơ sở	28
5.3. Các hạng mục công trình chính của cơ sở	28
5.4.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	29
5.4.2. Hệ thống thu gom và thoát nước thải	29
5.4.3. Hệ thống thu gom chất thải rắn	31
5.4.4. Hệ thống giao thông	32
5.4.5. Hệ thống phòng cháy chữa cháy	32
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	33

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	33
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):	34
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	36
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	36
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	36
1.2. Thu gom và thoát nước thải	37
1.3 Xử lý nước thải	42
1.3.1 Bể tự hoại	42
1.3.2 Hệ thống xử lý nước thải	43
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	53
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường trường	55
4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại (CTNH)	57
6. Phương án phòng ngừa, sự cố môi trường	60
6.1. Sự cố cháy nổ, hỏa hoạn	60
6.2. Sự cố hóa chất	62
6.3 Sự cố môi trường	62
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	68
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	68
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp	71
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	71
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	72
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	72
1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	72
1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	73
1.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:	73
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	74
2.1 Nguồn phát sinh khí thải:	74
2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:	74
4.2.3. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:	74

2.4. Phương thức xả khí thải:	75
2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:	75
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, rung:	75
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	75
3.2. Giá trị tới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	75
4. Yêu cầu về quản lý chất thải	76
4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh	76
4.4.1 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	76
4.4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	76
4.4.3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh	76
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	76
4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại	76
4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.....	77
4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải thông thường.....	77
CHƯƠNG V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	78
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	78
1.1 Thống kê sản lượng sản xuất năm 2023 và năm 2024.....	78
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:.....	78
2.1 Thống kê lượng nước cấp sử dụng	78
2.4. Kết quả quan trắc môi trường định kì đối với bụi, khí thải	79
2.5 Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (trường hợp thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động) của từng năm: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp trạm quan trắc tự động	82
2.6 Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải (nếu có): Không có	82
2.7 Các lần kết quả quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giá trị giới hạn cho phép (nếu có) trong giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục: Không có	82
2.8 Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải.....	82
2.9 Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải.	82
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....	83
4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):	83

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất): Không thuộc đối tượng.....	83
6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	83
6.1 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải sinh hoạt.....	83
6.2 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải công nghiệp thông thường	83
6.2 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải nguy hại	83
7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:	84
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	85
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	85
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	85
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	85
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	85
3. Hoạt động quan trắc môi trường định kì, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoạch theo đề xuất của chủ cơ sở:	85
4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:	86
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	87

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CO ₂	Cacbon dioxit
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
NĐ – CP	Nghị định – Chính phủ
NSTP	Nông sản thực phẩm
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam
STT	Số thứ tự
TCVN	Tiêu chuẩn Việt nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TT	Thông tư
XLNT	Xử lý nước thải
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Quy mô của dự án.....	15
Bảng 2. Hạng mục công trình chính của Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn ...	17
Bảng 3. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng tại Chợ	21
Bảng 4. Danh mục nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng	22
Bảng 5. Bảng phân bổ nhu cầu dùng nước của cơ sở.....	25
Bảng 6. Nhu cầu sử dụng nước của Chợ	26
Bảng 7. Lượng nước thải thực tế của Chợ.....	26
Bảng 8. Bảng nhu cầu sử dụng điện của Chợ.....	27
Bảng 9. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	28
Bảng 10. Bảng tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở	31
Bảng 11. Thống kê các các phương tiện phòng PCCC tại Cơ sở	32
Bảng 12. Bảng thống kê hệ thống cống thoát nước mưa của cơ sở	36
Bảng 13. Bảng thống kê tọa độ các điểm đầu nổi nước mưa trong khu vực chợ vào	37
Bảng 14. Bảng thống kê khối lượng tuyến cống thoát nước thải của cơ sở	41
Bảng 15. Dung tích bể tự hoại trong khuôn viên chợ.....	42
Bảng 16. Chi tiết các công trình đơn vị của HTXLNT	46
Bảng 17. Thiết bị sử dụng khu vực hóa chất	50
Bảng 18. Thiết bị sử dụng khu vực máy ép bùn	51
Bảng 19. Bảng hóa chất sử dụng	51
Bảng 20. Định mức tiêu hao năng lượng điện của trạm xử lý 320 m ³ /ngày.đêm.....	52
Bảng 21. Danh mục nguyên, vật liệu sử dụng cho HTXLNT	52
Bảng 22. Bảng thống kê chất thải rắn sinh hoạt	56
Bảng 23. Bảng thống kê chất thải rắn nguy hại	58
Bảng 24. Các sự cố và biện pháp khắc phục của hệ thống xử lý nước thải.....	64
Bảng 25. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.....	68
Bảng 26. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải của cơ sở	72
Bảng 27. Thông số về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT	75
Bảng 28. Thông số về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT	76
Bảng 29. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	76
Bảng 30. Khối lượng CTR CNTT không có khả năng tái chế, tái sử dụng phát sinh	76
Bảng 31. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	76
Bảng 32. Sản lượng sản xuất	78
Bảng 33. Nhu cầu nhiên liệu	78
Bảng 34. Điện năng tiêu thụ	78
Bảng 35. Thống kê nước khai thác trung bình tại cơ sở	78
Bảng 36. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024	78
Bảng 37. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023	79
Bảng 38. Danh mục thông số quan trắc khí thải.....	80
Bảng 39. Bảng kết quả quan trắc đối với không khí xung quanh 2024.....	80

Bảng 40. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2024	80
Bảng 41. Bảng kết quả quan trắc đối với không khí xung quanh định kỳ năm 2023	81
Bảng 42. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2023	81
Bảng 43. Thống kê lượng chất thải sinh hoạt năm 2023 và 2024	83
Bảng 44. Thống kê lượng chất chất thải công nghiệp thông thường năm 2023 và năm 2024	83
Bảng 45. Thống kê lượng chất thải nguy hại năm 2023 và năm 2024	83

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Vị trí cơ sở	10
Hình 2.. Quy trình hoạt động của quầy rau củ, trái cây	20
Hình 3. Quy trình hoạt động của quầy thịt heo.....	20
Hình 4. Chợ đầu mối phía bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn)	21
Hình 5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước ngầm	23
Hình 6. Cụm bồn xử lý nước ngầm	24
Hình 7. Vị trí của Chợ đầu mối phía Bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn)	28
Hình 8. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Chợ	36
Hình 9. Sơ đồ thu gom nước thải của Chợ	38
Hình 10. Thu gom nước thải từ khu nhà lồng chợ thịt	41
Hình 11. Vị trí hố ga giám sát của hệ thống xử lý nước thải	42
Hình 12. Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung	44
Hình 13. Hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung	53
Hình 14. Máy phát điện đặt gần khu nhà lồng chợ rau	55
Hình 15. Máy phát điện đặt gần khu nhà lồng chợ thịt	55
Hình 16. Kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở	59
Hình 17. Bình CO2 và các biển báo PCCC được trang bị tại nhưng nơi dễ nhìn thấy	61
Hình 18. Bể chứa nước và bơm PCCC tại cơ sở	61

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- **Tên chủ cơ sở:** Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn
- Địa chỉ trụ sở chính: 25 Bà Triệu, Khu phố 1, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Người đại diện theo pháp luật của Chủ cơ sở: Ông **Lê Văn Mỹ**
Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**
- Điện thoại: 38915294; Fax 38910457; Email: hotraco@vnn.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302481483, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2001, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/08/2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đã thành lập Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn nhằm quản lý, khai thác và kinh doanh công trình Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn (Căn cứ Quyết định số 58/2003/QĐ-HĐQT ngày 30/09/2003 về việc Thành lập Công ty TNHH Quản Lý và Kinh Doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn).

- Tên công ty: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn (trực thuộc Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn).
- Địa chỉ trụ sở chính: 14/7A ấp 23, Nguyễn Thị Sóc, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện: Ông Lê Văn Tiễn; Chức vụ: Giám Đốc
- Điện thoại: 08-37183999; Fax: 08-37183000;
- Email: hocmonagromarket.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0303075075, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2003, thay đổi lần thứ 05 ngày 30/12/2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Chợ Đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn

2.1 Địa điểm hoạt động

- Địa điểm cơ sở: 14/7A, ấp 23, Nguyễn Thị Sóc, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.



Hình 1. Vị trí cơ sở

2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án.

- Văn bản liên quan đến đất đai của cơ sở:

Quyết định số 8427/QĐ-UB ngày 12/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và giao đất cho Công ty thương mại đầu tư trong hợp Hóc Môn để tổ chức đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (Chợ Tân Xuân – Hóc Môn).

Quyết định 1655/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thuận giao đất cho Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn để thực hiện dự án Trung tâm thương mại và khu chung cư cao tầng phục vụ tái định cư xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn.

Quyết định 5811/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một phần nội dung tại điều 1 của Quyết định 8427/QĐ-UB ngày 12/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi giao đất cho Công ty Thương mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn (nay là Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn) để tổ chức đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn)

Quyết định số 3572/QĐ-UBND ngày 23/07/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chấp thuận cho chuyển nhượng dự án Trung tâm thương mại và Khu chung

cư cao tầng tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn.

Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án trung tâm thương mại và khu chung cư cao tầng huyện Hóc Môn ngày 24/08/2015.

Hợp đồng thuê đất số 6306/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 29/06/2016 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn với nội dung:

“1. Diện tích đất: 84.507,6m² thuộc thửa 180, tờ bản đồ số 30, bộ địa chính xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn (theo tài liệu năm 2005) để đầu tư xây dựng Chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân- Hóc Môn).

Vị trí, ranh giới khu đất theo **Bản đồ Hiện trạng vị trí số 67201/CN- TNMT đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm duyệt ngày 10/4/2014.**

2. Thời hạn thuê đất: kể từ ngày 03/7/2003 đến ngày 03/7/2053.

3. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.”

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền số cấp vào sổ số CT56292 ngày 30/06/2016.

- **Quyết định phê duyệt dự án đầu tư:**

Quyết định số 6644/QĐ-UB ngày 11/10/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt dự án đầu tư chợ đầu mối phía Bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) của Công ty Thương mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn.

Quyết định số 666/QĐ-UB ngày 14/02/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự án xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) của Công ty cổ phần thương mại Hóc Môn.

Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 24/03/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự án Xây dựng chợ đầu mối phía Bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) do Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn làm Chủ đầu tư.

- **Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng:**

Quyết định số 7793/KTST-DDB2 ngày 03/07/2000 của Kiến trúc sư trưởng thành phố v/v Duyệt Quy hoạch chia lô Chợ Đầu mối phía Bắc Thành phố Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

Quyết định số 424/SXD-GĐ-QĐ ngày 08/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán công trình chợ đầu mối phía Bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) hạng mục san lấp – hệ thống giao thông, sân bãi, thoát nước mưa – Nhà lồng chợ.

Quyết định số 223/SXD-KSTK-QĐ ngày 24/06/2003 của Sở Xây dựng quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán.

Công văn số 1929/UBND-ĐTMT ngày 23/4/2013 về việc “Xây dựng dãy Kios tại chợ đầu mối nông sản thực phẩm phía Bắc Thành phố thuộc xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn”.

Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng số 05/BBNTSO ngày 31/03/2004, công trình nhà lồng chợ thịt.

Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng số 59/CTY-2008 ngày

29/12/2008, công trình nhà lồng chợ thịt, hạ tầng kỹ thuật khu nhà lồng chợ thịt, trạm ép rác kín thuộc dự án chợ đầu mối phía bắc thành phố.

- Văn bản phê duyệt đồ án quy hoạch của dự án:

Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 06/03/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chợ đầu mối phía Bắc thành phố thuộc xã Tân Xuân (sau thuộc xã Xuân Thới Đông) huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn làm chủ đầu tư.

Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 17/05/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ đầu mối phía Bắc thành phố thuộc xã Tân Xuân (nay thuộc xã Xuân Thới Đông) huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 4365/QĐ-UBND ngày 05/08/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chợ đầu mối phía Bắc thành phố thuộc xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

2.3 Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần (nếu có).

Quyết định số 83/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 13/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn”.

Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.002514.T (cấp lần 1) ngày 19/09/2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 1380/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2024 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 906/GP-STNMT-TNNKS ngày 03/11/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Văn bản chứng nhận thẩm duyệt PCCC của dự án:

Quyết định số 4676/QĐ-UB ngày 30/10/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung hạng mục hệ thống phòng cháy và chữa cháy vách tường nhà lồng chợ trong dự án xây dựng mới chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) của Công ty cổ phần thương mại Hóc Môn.

Quyết định số 281/SXD-KSTK-QĐ ngày 31/07/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Quyết định về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán.

Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy số 527/PCCC ngày 26/12/2003 của Phòng cảnh sát PCCC

Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của Công an TP. Hồ Chí Minh Phòng cảnh sát PCCC chứng nhận: Khu chợ thịt thuộc chợ Đầu mối Nông sản Hóc Môn số 1215/TD-PCCC (KT) ngày 07/10/2005.

Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 1234/TD-PCCC ngày 19/09/2012 của Sở CSPC&CC Tp.HCM

- Cơ sở bắt đầu hoạt động từ năm 2003, với diện tích 84.507,6 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 56292 cấp ngày 30/06/2016).

2.4 Quy mô của cơ sở:

+ **Phân loại theo tiêu chí của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội:**

- Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP:

- Cơ sở không sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình (trừ các dự án phát triển rừng, lâm sinh, nuôi trồng thủy sản theo phương pháp tự nhiên, quảng canh theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, thủy sản);

- Cơ sở không đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

- Cơ sở không có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

- Cơ sở không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

- Cơ sở không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa;

- Cơ sở không có sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (trừ các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo, xây dựng công trình nhằm phục vụ việc quản lý, vệ sinh môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các dự án bảo trì, duy tu bảo đảm an toàn giao thông);

- Cơ sở không có sử dụng khu vực biển;

- Cơ sở không có hoạt động nhận chìm ở biển;

- Cơ sở không có hoạt động lấn biển;

- Cơ sở không thuộc nhóm dự án khai thác khoáng sản; dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

- Cơ sở không có yêu cầu di dân, tái định cư.

2.5 Loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ:

- Các loại hình kinh doanh chủ yếu: Công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực:

+ Quản lý – kinh doanh Chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn);

+ Dịch vụ gia công giết mổ gia súc;

- + Kinh doanh dịch vụ nhà hàng;
- + Kinh doanh xăng dầu;
- + Kinh doanh bất động sản.

Phân loại nhóm dự án theo Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024:

- Quy mô của cơ sở: cơ sở có tổng mức đầu tư là 101.923.000.000 VNĐ (Một trăm lẻ một tỷ chín trăm hai mươi ba triệu đồng) theo Quyết định số 1303/QĐ-UB về việc điều chỉnh dự án Xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (Chợ Tân Xuân – huyện Hóc Môn) do Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn làm chủ đầu tư, cơ sở thuộc loại công trình dân dụng. Căn cứ theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, cơ sở thuộc dự án nhóm B (theo Khoản 4 Điều 10 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024).

- Cơ sở có phát sinh nước thải với lượng nước xả thải được xử lý tại chỗ với lưu lượng nước thải lớn nhất là 320m³/ngày đêm.

- Căn cứ theo STT 2, mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường cho thấy, Cơ sở thuộc nhóm “Dự án có cấu phần xây dựng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải” → Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương Cơ sở **nhóm III**.

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 83/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 13/01/2017 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn của Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn.

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 906/GP-STNMT-TNNKS ngày 03/11/2020 cho Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông Sản Thực Phẩm Hóc Môn.

→ Cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, điều 39, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, do đó cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Căn cứ theo khoản 11, điểm c, khoản 2, điều 29, Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ, cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường do hết hạn Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Căn cứ theo điểm c, khoản 3, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh;

- Căn cứ theo Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Căn cứ theo Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

➔ **Cơ sở thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.**

➔ **Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục X phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/07/2025 của Chính phủ - Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.**

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

❖ **Phạm vi của cơ sở:**

Cơ sở nằm trên khu đất với diện tích khoảng 84.507,6m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 56292 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/06/2016).

Bảng 1. Quy mô của dự án

TT	Nội dung	Đơn vị	Quy mô		Ghi chú
			Đã được duyệt tại đề án chi tiết (*)	Quy mô đề xuất cấp phép	
1	Tổng diện tích khu đất	m ²	97.148	84.507,6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 56292 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/06/2016
2	Quy mô hoạt động	Hộ	167 sạp kinh doanh rau 60 sạp kinh doanh trái cây 90 sạp kinh doanh thịt 23 điểm kinh doanh ăn uống	Tổng số kios và sạp sau điều chỉnh là: 354 kios/sạp ** Số kios và sạp hiện hữu đang hoạt động: 308 kios/sạp - Khu nhà lồng chợ rau: 227 sạp - Khu nhà lồng chợ thịt: 50 sạp - Dãy Ki - ốt (6): 31 kios ** Số sạp xây dựng bổ sung sau khi được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch và được cấp giấy phép môi trường: 46 kios Dãy ki - ốt 6a, 6b, 6c: 46 kios	Theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm c khoản 3 sửa đổi bổ sung khoản 2 khoản 3 điều 27 của nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 tại khoản 9 điều 1 Nghị Định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì cơ sở không thuộc đối tượng phải lập lại hồ sơ môi trường. Xét theo điểm c, khoản 4 điều 37 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội thì Cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

TT	Nội dung	Đơn vị	Quy mô		Ghi chú
			Đã được duyệt tại đề án chi tiết (*)	Quy mô đề xuất cấp phép	
					thuộc trường hợp tự đánh giá tác động đến môi trường, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật do đó Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn xin được tích hợp nội dung trên vào trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
3	Tổng số lao động hiện tại	Người	428	428	Không thay đổi
4	Hệ thống xử lý nước thải	m ³ /ngày đêm	320	320	Không thay đổi
5	Lưu lượng khai thác nước ngầm	m ³ /ngày đêm	276	300	Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 1380/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2024 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn, 2024)

Ghi chú:

(*) Đề án bảo vệ môi trường chi tiế được phê duyệt kèm theo quyết định số 83/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 13/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Giải trình về chênh lệch đất:

– Theo Quyết định số 8427/QĐ-UB ngày 12/12/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố v/v thu hồi và giao đất cho Công ty thương mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn để tổ chức đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn): “Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao cho Công ty Thương mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn sử dụng 97.148m² đất để tổ chức đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố”.

– Theo Quyết định 1655/QĐ-UBND ngày 31/03/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thuận giao đất cho Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn để thực hiện dự án Trung tâm thương mại và khu chung cư cao tầng phục vụ tái định cư xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn: “Chấp thuận giao khu đất có diện tích 11.899,3m², thuộc thửa 70-1, tờ bản đồ số 30, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn thuộc dự án đầu tư

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

xây dựng chợ Tân Xuân - Hóc Môn cho Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn để đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Thương mại và khu chung cư cao tầng phục vụ tái định cư theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 43/QĐ-SXD- TĐDA ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Sở Xây dựng. Vị trí ranh giới khu đất, được thể hiện trên bản đồ hiện trạng vị trí số 39817KĐ/GD-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 09 tháng 7 năm 2010”.

– Theo Quyết định số 5811/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 của Quyết định số 8427/QĐ-UB ngày 12/12/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi và giao đất cho Công ty Thương mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn (nay là Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn) để tổ chức đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) của Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn làm chủ đầu tư: “Cho Công ty cổ phần thương mại Hóc Môn thuê **84.652,4m²** ($96.551,7 - 11.899,3m^2 = 84.652,4m^2$). Ranh giới, diện tích đất công trình được xác định dựa trên tờ bản đồ hiện trạng vị trí số 17218/ĐDBĐ-CNTĐ do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 23/07/2009 có xác nhận của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn và Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt”

– Để thực hiện các thủ tục liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chủ đầu tư đã phối hợp với Trung tâm đo đạc bản đồ để đo đạc và xác định lại ranh đất với diện tích được cập nhật là **84.507,6m²** theo tờ bản đồ số 67201/CN-TNMT – được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 10/04/2014.

– Cơ sở cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CT56292 ngày 30/06/2013 với diện tích đất được cấp là **84.507,6m²**

→ Dự án Trung tâm thương mại và Khu chung cư cao tầng (diện tích 11.899,3m²) không còn thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn. Dự án này đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân theo Quyết định số 3572/QĐ-UBND ngày 23/07/2015 của Ủy ban nhân dân Tp. HCM về chấp thuận cho chuyển nhượng dự án Trung tâm thương mại và Khu chung cư cao tầng tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn từ Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân.

Bảng 2. Hạng mục công trình chính của Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn

STT	Loại đất	Ký hiệu	Theo QĐ số 3360/QĐ-UBND ngày 17/5/2012 và QĐ số 4365/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 của UBND huyện Hóc Môn		Theo TCVN 9211:2012 về tiêu chuẩn thiết kế chợ		Theo điều chỉnh cục bộ đồ án QHCT tỷ lệ 1/500 đề xuất		Đánh giá
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Khu trung tâm thương mại và chung cư cao tầng	TM-CC	11.899,30	12,32			11.899,30	12,32	Nằm ngoài ranh điều chỉnh cục bộ
2a	Khu nhà lồng chợ rau	CR	20.498,00	21,23			20.498,00	21,23	Không thay đổi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Loại đất	Ký hiệu	Theo QĐ số 3360/QĐ-UBND ngày 17/5/2012 và QĐ số 4365/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 của UBND huyện Hóc Môn		Theo TCVN 9211:2012 về tiêu chuẩn thiết kế chợ		Theo điều chỉnh cục bộ đồ án QHCT tỷ lệ 1/500 đề xuất		Đánh giá
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
2b	Khu nhà lồng chợ thịt	CT	5.136,00	5,32			5.136,00	5,32	Không thay đổi
3	Khu kho mát - bãi sơ chế	KM-SC	3.205,00	3,32			3.205,00	3,32	Phù hợp
	- Khu kho mát		928,00				2.353,6		
	- Bãi sơ chế		2.277,00				851,40		
4	Khu xử lý chất thải	XLC T	2.495,10	2,58			2.495,10	2,58	Không thay đổi
	- Khu xử lý nước thải		795,10				795,10		
	- Trạm ép rác		1.700,00				1.700,00		
5	Trạm điện - Trạm thú y	TD	397,07	0,41			397,07	0,41	Không thay đổi
6	Dãy Kios	KO	792,00	0,82			1.872,00	1,94	Phù hợp
7	Khu dịch vụ	DV					600,00	0,62	
7	Đất cây xanh - thâm cò (không bao gồm diện tích đất cây xanh trong khu trung tâm thương mại và chung cư cao tầng)	CX	6.064,77	6,28	≥10% (so với diện tích đất phù hợp quy hoạch đất thương mại thuộc đồ án QHPK TL 1/2000 được duyệt)		6.064,77	8,7 (đạt tỷ lệ gần 9,00% so với diện tích đất phù hợp quy hoạch thiết kế Chợ được duyệt)	Đảm bảo chỉ tiêu đã được phê duyệt.
8	Đất giao thông – Sân Bãi	GT-SB	46.064,46	47,72	Tỷ lệ đất giao thông – sân bãi ≥25%		44.384,46	45,97	Phù hợp theo TCVN 9211:2012 về tiêu chuẩn thiết kế chợ
a	Sân - Bãi	SB	24.201,00	25,07	Diện tích sân bãi cơ bản không thay đổi		24.201,00	26,80	Phù hợp

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Loại đất	Ký hiệu	Theo QĐ số 3360/QĐ-UBND ngày 17/5/2012 và QĐ số 4365/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 của UBND huyện Hóc Môn		Theo TCVN 9211:2012 về tiêu chuẩn thiết kế chợ		Theo điều chỉnh cục bộ đồ án QHCT tỷ lệ 1/500 đề xuất		Đánh giá
			Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	
					<i>theo các quyết định phê duyệt quy hoạch</i>				
	- Bãi đậu xe hàng		6.401,00				24.201,00		
	- Sân tập kết hàng hóa		17.800,00						
b	Đất giao thông	GT	21.863,46	22,65	<i>Không quy định tỷ lệ đất giao thông trong thiết kế chợ</i>		20.183,46	19,17	Phù hợp
	- Đất giao thông trong ranh điều chỉnh cục bộ		6.953,61				5.273,61		
	- Đất giao thông ngoài ranh điều chỉnh cục bộ		14.909,85				14.909,85		
Tổng cộng			96.551,70	100			96.551,70	100	

(Nguồn: Theo QĐ số 4365/QĐ-UBND ngày 05/08/2013 của UBND huyện Hóc Môn và theo bản thuyết minh điều chỉnh quy hoạch cục bộ)

– Công suất: Lượng hàng nông sản rau, củ, quả, trái cây nhập Chợ dao động từ 204 tấn/ngày đêm đến 1.949 tấn/ngày đêm. Lượng thịt heo thương phẩm nhập chợ từ 48 tấn/ngày đêm đến 373 tấn/ngày đêm.

– Quy mô: 354 kios và sạp kinh doanh.

– Thời gian hoạt động tại chợ: từ 0h00 đến 24h00.

– Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty quản lý Chợ: 428 người.

3.2 Phạm vi đề nghị cấp phép môi trường của Cơ sở

- Chủ cơ sở đề nghị cấp giấy phép môi trường cho toàn bộ các hạng mục công trình của cơ sở đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 83/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 13/01/2017 của Sở Tài nguyên và môi trường và

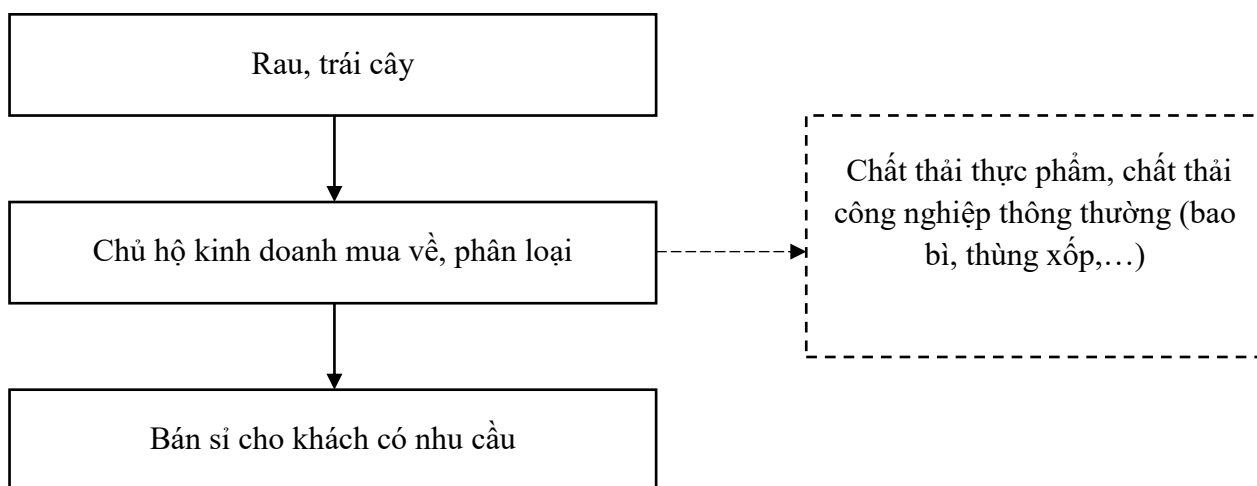
một số nội dung thay đổi trong quá trình thực hiện Cơ sở. Phạm vi đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở như sau:

- Tổng diện tích khu đất thực hiện Cơ sở: 84.507,6m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CT56292 ngày 30/06/2013);
- Hạng mục công trình gồm khối công trình có quy mô: Khu nhà lồng chợ rau; Khu nhà lồng chợ thịt; các khu ki ốt với tổng số kios và sạp là 354; Khu kho mát; trạm ép rác kín; căn tin; sân bãi các loại; khu trạm xử lý nước thải; trạm khai thác và xử lý nước ngầm; khu văn phòng và các công trình trợ và các công trình bảo vệ môi trường.

3.3. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Cơ sở không thực hiện sản xuất mà chỉ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu chợ đầu mối nông sản thực phẩm và cho thuê các vựa, sạp kinh doanh thực phẩm bao gồm trái cây, rau củ, thịt heo.

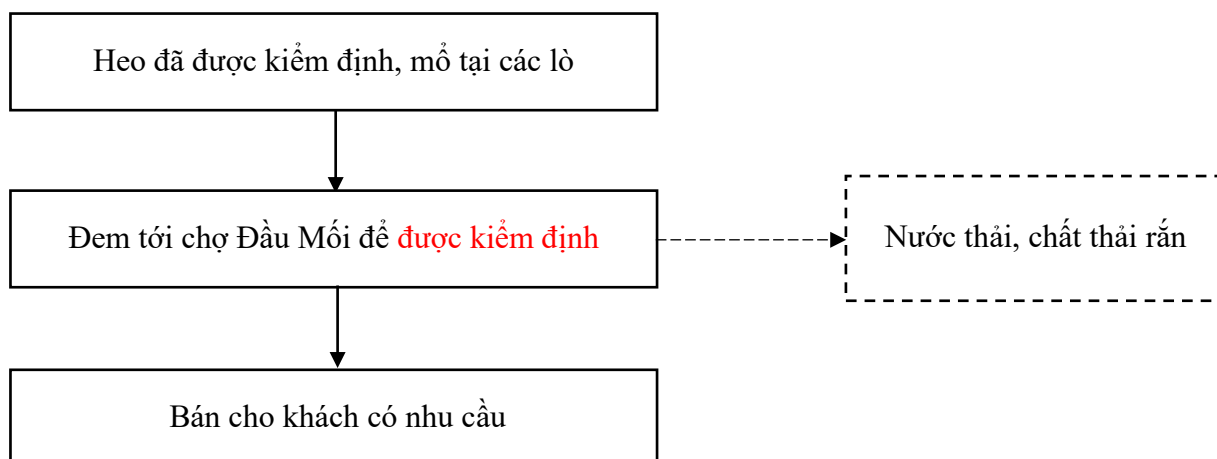
❖ Quy trình hoạt động của quầy rau, trái cây:



Hình 2.. Quy trình hoạt động của quầy rau củ, trái cây

Các loại rau, trái cây được các chủ sạp mua về, loại bỏ các phần hư hỏng và bán sỉ cho khách có nhu cầu.

❖ Quy trình hoạt động của quầy thịt:



Hình 3. Quy trình hoạt động của quầy thịt heo

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Thịt heo sau khi được mổ tại lò và kiểm định chất lượng sẽ được chủ hộ kinh doanh nhập về Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn, được Sở ATTP kiểm định và bán cho khách hàng có nhu cầu.

3.4. Sản phẩm của cơ sở:

Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Chợ để cho thuê các vỉa, sạp kinh doanh thực phẩm: trái cây, rau, củ, quả, thịt heo.



Hình 4. Chợ đầu mối phía bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Danh mục máy móc thiết bị:

Danh mục máy móc thiết bị cụ thể như sau:

Bảng 3. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng tại Chợ

STT	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất
	Thiết bị văn phòng			
1	Máy vi tính	Cái	35	Mua trong nước
2	Máy tính Laptop	Cái	02	Mua trong nước
3	Máy photo	Cái	02	Mua trong nước
4	Máy in	Cái	26	Mua trong nước
5	Máy lạnh	Cái	17	Mua trong nước
6	Máy hủy giấy	Cái	03	Mua trong nước

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất
7	Máy scan	Cái	02	Mua trong nước
8	Máy chiếu	Cái	01	Mua trong nước
9	Quạt	Cái	36	Mua trong nước
10	Bộ đàm	Cái	110	Mua trong nước
	Trạm xử lý nước sạch			
1	Máy bơm chìm	Cái	1	Mua trong nước
2	Bồn lọc cát	Bồn	1	Mua trong nước
3	Cột ion	Bồn	2	Mua trong nước
4	Bồn phản ứng	Bồn	1	Mua trong nước
5	Bơm định lượng	Cái	2	Mua trong nước
6	Bơm trục ngang	Cái	2	Mua trong nước
	Trạm xử lý nước thải			
1	Máy nén khí	Cái	1	Mua trong nước
2	Máy thổi khí	Cái	3	Mua trong nước
3	Bơm chìm	Cái	4	Mua trong nước
4	Bơm trục ngang	Cái	7	Mua trong nước
5	Máy lược rác tinh	Cái	1	Việt Nam
6	Giàn cào bùn	Bộ	1	Việt Nam
7	Motor khuấy trộn	Cái	4	Mua trong nước
8	Bơm định lượng hóa chất	Cái	5	Mua trong nước
9	Máy ép bùn	Cái	1	Mua trong nước
10	Bồn phản ứng	Bồn	1	Việt Nam
11	Bồn lọc áp lực	Bồn	2	Việt Nam
	Các thiết bị máy móc khác			
1	Hệ thống báo cháy tự động	Bộ	1	Việt Nam
2	Xe đẩy hàng bằng tay	Cái	100	Việt Nam
3	Máy phát điện dự phòng	Cái	2	Việt Nam
4	Máy phun thuốc	Cái	1	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Bảng 4. Danh mục nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng

STT	Tên	Số lượng	Đơn vị	Mục đích sử dụng
Nguyên liệu				
1	Hàng bông	250-315	Tấn/ ngày	Buôn bán
2	Rau củ Đà Lạt	700-1000	Tấn/ ngày	Buôn bán
3	Rau ăn lá	200-325	Tấn/ ngày	Buôn bán
4	Trái cây	200-260	Tấn/ ngày	Buôn bán
5	Dưa hấu	20-35	Tấn/ ngày	Buôn bán
6	Thịt heo	300 - 400	Tấn/ ngày	Buôn bán
Hóa chất				

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Tên	Số lượng	Đơn vị	Mục đích sử dụng
1	Chlorine	35,6	Kg/ tháng	Sử dụng cho HTXLNT
2	Cation Polymer	13	Kg/ tháng	Sử dụng cho HTXLNT
3	Hóa chất khử trùng	15	Kg/ tháng	Khử khuẩn
Nhiên liệu				
1	Dầu DO	50	Lit/tháng	Sử dụng cho máy phát điện

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

4.3. Nguồn cung cấp điện, nước

4.3.1. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

❖ *Nguồn cung cấp nước:*

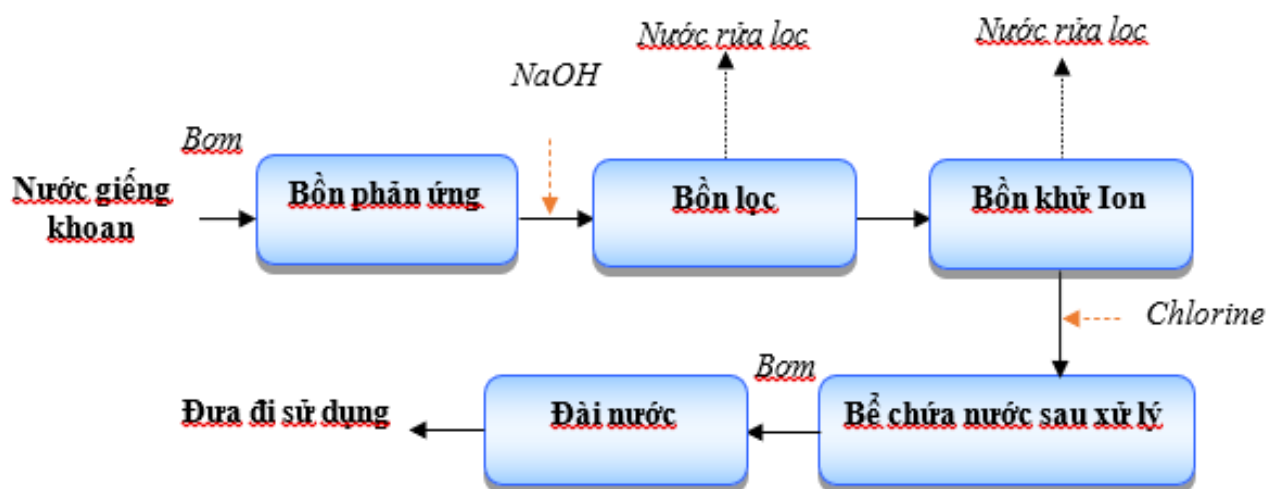
- Nguồn nước sử dụng cho hoạt động của Chợ được lấy từ 2 nguồn chính:
 - + Nguồn số 01: nguồn nước thủy cục do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên cung cấp.
 - + Nguồn số 02: nguồn nước ngầm với lưu lượng khai thác tối đa 300 m³/ngày đêm đã được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 1380/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2024 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Mục đích khai thác, sử dụng nước: phục vụ sơ chế nông sản và thực phẩm tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn.

Nước ngầm được bơm lên hệ thống xử lý nước ngầm trước khi đưa vào sử dụng, tọa độ giếng khai thác nước ngầm *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)*:

X (m): 1 200 736 Y (m): 593 439

Thuyết minh công nghệ hệ thống xử lý nước ngầm:

Nước thô được bơm lên từ giếng khoan đến bồn phản ứng để tạo thời gian tiếp xúc với hóa chất khử sắt, tiếp tục được dẫn qua bồn lọc áp lực có chứa lớp vật liệu lọc để loại bỏ cặn, các thành phần huyền phù bằng việc giữ lại trên lớp vật liệu lọc, sau đó sẽ được dẫn qua bồn khử ion để khử một số ion kim loại có trong tự nhiên như Mg²⁺, Ca²⁺, Nước sau xử lý được chứa trong bể chứa nước sạch có châm hóa chất khử trùng rồi bơm lên đài nước và cấp vào hệ thống đường ống phân phối nước cho cơ sở để sử dụng.



Hình 5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước ngầm



Hình 6. Cụm bồn xử lý nước ngầm

❖ Nhu cầu sử dụng nước của Chợ:

Nhu cầu dùng nước theo tiêu chuẩn cấp nước:

(1) Nhu cầu cấp nước sinh hoạt:

- Lượng nước cấp cho nhân viên của Công ty quản lý Chợ:

Lượng nước sử dụng tại chợ bình quân 25lít/người. Số lượng nhân viên của cơ sở ước tính khoảng 428 người. Lượng nước sử dụng là:

$$428 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người/ngày} \times 3 = \mathbf{32,1m^3/ngày.đêm}$$

- Lượng nước cấp cho các hoạt động của hộ kinh doanh:

Lượng nước sử dụng bình quân 100lít/người. Số lượng hộ kinh doanh trong Chợ là 354hộ, ước tính mỗi hộ 2 thành viên. Lượng nước sử dụng là:

$$354 \text{ hộ} \times 2 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} = \mathbf{70,8 m^3/ngày.đêm}$$

- Lượng nước cấp cho khách vãng lai

Lượng nước sử dụng bình quân 25lít/người. Số lượng khách vãng lai ước tính 800 người/ngày. Lượng nước sử dụng là:

$$800 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người/ngày} = \mathbf{20m^3/ngày.đêm}$$

(2) Nước cấp cho hoạt động rửa thịt heo, xịt rửa nhà lồng thịt, khu pha lóc thịt, vệ sinh phương tiện vận chuyển

- Lượng nước ước tính cho quá trình xịt rửa sàn, xe vận chuyển rác tại khu chứa rác thải sinh hoạt ước tính tối đa vào khoảng $8m^3/ngày.đêm$.

- Lượng nước ước tính cho quá trình rửa thịt heo đã được làm sạch trước đó ước tính khoảng: $18m^3/ngày.đêm$.

- Lượng nước sử dụng cho quá trình xịt rửa nhà lồng thịt ước tính tối đa vào khoảng $15m^3/ngày.đêm$.

- Lượng nước dùng cho lau sàn, rửa nhà vệ sinh ước tính khoảng: $10m^3/ngày.đêm$.

- Lượng nước cho quá trình rửa xe đẩy thịt heo khoảng $2m^3/ngày.đêm$.

(3) Nước cấp tưới cây xanh, rửa đường:

Diện tích cây xanh cần tưới là $6.064,77m^2$, theo định mức (TCXD 33:2006) lượng nước cấp cho hoạt động tưới cây là $6lít/m^2/ngày$.

- Lượng nước sử dụng cho quá trình tưới cây là:

$$6 \text{ lít}/m^2/ngày \times 6064,77 = \mathbf{36,4m^3/ngày.đêm}$$

Diện tích quy hoạch đường giao thông là $21863,46m^2$ và sân tập kết hàng là $17800m^2$. theo định mức (TCXD 33:2006), lượng nước cấp cho rửa đường khoảng $1,5lít/m^2/ngày$.

$$1,5 \text{ lít}/m^2/ngày \times (21863,46 + 17800) = \mathbf{59,5m^3/ngày.đêm}$$

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Bảng 5. Bảng phân bổ nhu cầu dùng nước của cơ sở

STT	Mục đích	Đơn vị	Định mức sử dụng	Đối tượng sử dụng nước	Lưu lượng sử dụng (m ³ /ngày)	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)
1	Nước sinh hoạt phục vụ cán bộ công nhân viên	lít/người/ca	25x3	428	32,1	25,3
2	Nước sinh hoạt phục vụ hộ kinh doanh (2 người/hộ)	lít/người/ngày	100	712	71,2	70,8
3	Nước sinh hoạt phục vụ khách vắng lai	lít/người/ngày	25	800	20	20
4	Nước cấp cho quá trình xịt rửa sàn, xe vận chuyển rác	ước tính	-	-	8	8
5	Nước cấp cho quá trình rửa thịt heo	ước tính			18	18
6	Nước cấp sử dụng cho quá trình xịt rửa nhà lồng chợ thịt, nhà vệ sinh khu chợ thịt	lít/m ² /ngày	4	4.911,9	19,65	19,65
7	Nước cấp sử dụng lau sàn chợ rau, nhà vệ sinh khu chợ rau	lít/m ² /ngày	4	2.0538,5	82	82
8	Nước cấp cho quá trình rửa xe đẩy thịt heo		-	-	2	2
9	Nước vệ sinh trạm ép rác	lít/m ² /ngày	4	1.711	6,8	6,8
10	Nước cấp cho quá trình tưới cây	lít/m ² /ngày	4	6.705,8	26,8	-
11	Nước cấp cho quá trình vệ sinh đường xá, sân bãi	lít/m ² /ngày	1,5	38.331	59,5	-
TỔNG CỘNG					346,05	252,55
TỔNG CỘNG (K=1,2)					415,26	303,06

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

Ghi chú: Với lượng nước cấp tối đa tại cơ sở theo lý thuyết là 411,42m³/ngày đêm thì lượng nước xả thải thu về tối đa mỗi ngày là 299,7m³/ngày đêm. Hiện tại cơ sở đã có hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm, đảm bảo thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh từ các nguồn nêu trên của cơ sở.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

❖ Lượng nước thực tế sử dụng:

Căn cứ theo hóa đơn tiền nước của cơ sở và sổ theo dõi lưu lượng khai thác nước ngầm, lượng nước cấp thực tế cho hoạt động của cơ sở được liệt kê cụ thể tại bảng sau (*hóa đơn tiền nước và sổ theo dõi lưu lượng khai thác nước ngầm được đính kèm tại phụ lục của báo cáo*):

Bảng 6. Nhu cầu sử dụng nước của Chợ

STT	Kỳ	Nước thủy cục (m ³ /tháng)	Nước ngầm (m ³ /tháng)	Tổng cộng (1)
1	01/2024	5166	3074	8240
2	02/2024	4215	2837	7052
3	03/2024	3508	3070	6578
4	04/2024	982	2971	3953
5	05/2024	4708	3075	7783
6	06/2024	5431	2984	8415
7	07/2024	5566	3084	8650
8	08/2024	4336	3085	7421
9	09/2024	5452	2986	8438
10	10/2024	4713	3087	7800
11	11/2024	5095	2932	8027
12	12/2024	5130	2984	8114
Lượng nước sử dụng trung bình (m³/tháng)		4525,2	3014,1	7539,3
Lượng nước sử dụng trung bình (m³/ngày)		150,8	100,5	251,3

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

❖ Lượng nước thải thực tế:

Căn cứ theo sổ theo dõi lưu lượng xả thải của cơ sở, lượng nước thải thực tế của cơ sở được liệt kê cụ thể tại bảng sau (*sổ theo dõi lưu lượng xả thải được đính kèm tại phụ lục của báo cáo*):

Bảng 7. Lượng nước thải thực tế của Chợ

STT	Kỳ	Nước thải (m ³ /tháng) (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	01/2024	6450	1790
2	02/2024	5264	1788
3	03/2024	4338	2240
4	04/2024	3103	850
5	05/2024	6592	1191
6	06/2024	6787	1628
7	07/2024	6854	1796
8	08/2024	5019	2402
9	09/2024	6488	1950
10	10/2024	5550	2250
11	11/2024	5851	2176
12	12/2024	6603	1511

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Kỳ	Nước thải (m ³ /tháng) (2)	Chênh lệch (1) – (2)
	Lượng nước xả thải trung bình (m ³ /tháng)	5741,6	1797,7
	Lượng nước xả thải trung bình (m ³ /ngày)	191,4	59,9

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

Nhận xét: Lượng nước chênh lệch giữa nước cấp và nước thải trung bình khoảng 59,9m³/ngày là lượng nước thất thoát từ hoạt động tưới cây, rửa đường giao thông nội bộ và thử tải phòng cháy tại cơ sở.

4.3.2. Nguồn cung cấp điện và lượng điện sử dụng

- Nguồn cung cấp: Mạng lưới điện quốc gia - Công ty Điện Lực Hóc Môn.
- Điện được sử dụng chủ yếu để chiếu sáng đường xá nội bộ, khu nhà lồng chợ, chiếu sáng văn phòng làm việc, các vừa sạp, vận hành trạm nước sạch, trạm xử lý nước thải.

Bảng 8. Bảng nhu cầu sử dụng điện của Chợ

STT	Tháng	Lượng điện tiêu thụ (kWh/tháng)
1	Tháng 01/2024	250.112
2	Tháng 02/2024	217.077
3	Tháng 03/2024	237.424
4	Tháng 04/2024	254.779
5	Tháng 05/2024	261.220
6	Tháng 06/2024	260.652
7	Tháng 07/2024	212.665
8	Tháng 08/2024	212.731
9	Tháng 09/2024	210.623
10	Tháng 10/2024	218.173
11	Tháng 11/2024	209.136
12	Tháng 12/2024	212.664
Lượng điện sử dụng trung bình (KWh/tháng)		229.771

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

5. Các thông tin khác có liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí địa lý và hiện trạng môi trường khu vực

❖ Vị trí địa lý Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn

Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn tọa lạc tại địa chỉ số 14/7A ấp 23, đường Nguyễn Thị Sóc, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vị trí của Cơ sở có các mặt tiếp giáp sau:

- Phía Đông: giáp đường Nguyễn Thị Sóc.
- Phía Nam: giáp khu dân cư thuộc tổng thể dự án dân cư và chợ đầu mối xã Xuân Thới Đông – huyện Hóc Môn.
- Phía Bắc: giáp khu dân cư dọc Quốc lộ 22
- Phía Tây: giáp khu dân cư thuộc tổng thể dự án dân cư và chợ đầu mối xã Xuân Thới Đông – huyện Hóc Môn.



Hình 7. Vị trí của Chợ đầu mối phía Bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn)

Chợ đầu mối phía Bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) hình thành và đi vào hoạt động góp phần phục vụ hoạt động trao đổi, mua bán cho người dân trong khu vực và các tỉnh lân cận. Đồng thời giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động trên địa bàn.

5.2. Mục tiêu của cơ sở

- Chợ được thành lập để tiếp nhận nguồn hàng nông sản từ nhiều nơi trong đó tập trung từ các tỉnh: Lâm Đồng, các tỉnh miền tây, miền đông và cung ứng nguồn hàng thịt heo để phân phối hàng hóa cho các chợ trong nội đô thành phố.
- Di dời một số chợ đầu mối đang gây ô nhiễm trong nội thành.
- Tạo công ăn việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động tại địa phương.

5.3. Các hạng mục công trình chính của cơ sở

Diện tích của cơ sở là: 84.507,6m² bao gồm: Khu nhà lồng chợ rau; Khu nhà lồng chợ thịt; Khu kho mát; trạm ép rác kén; căn tin; sân bãi các loại; khu trạm xử lý nước thải; trạm khai thác và xử lý nước ngầm; khu văn phòng và các công trình phụ liên quan. Chi tiết như sau:

Bảng 9. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Ký hiệu	Chức năng khu đất
1	CR	Đất khu nhà lồng chợ rau
2	CT	Đất khu nhà lồng chợ thịt
3	KM-SC	Khu kho mát – bãi sơ chế

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Ký hiệu	Chức năng khu đất
4	XLCT	Khu xử lý chất thải
5	BX	Sân – Bãi
6	5a	Bãi đậu xe
7	5b	Sân tập kết hàng hóa
8	GT	Giao thông
9	CX	Cây xanh – Thảm cỏ
10	TD	Trạm điện – Trạm Kiểm tra ATTP(Đội 9- Sở ATTP)
11	KO	Kios
Diện tích cơ sở: 84.507,6m²		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn, 2025)

5.4. Các hạng mục công trình phụ của cơ sở

5.4.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

- Công ty đã xây dựng mạng lưới thu gom thoát nước mưa hoàn chỉnh, tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải cho toàn bộ Chợ.
- Hướng thoát nước chính của Chợ phù hợp với quy hoạch giao thông và san lấp nền. Nước mưa từ trên mái nhà khu chợ thịt, khu chợ rau, khu văn phòng,... được thu gom bằng Seno và ống nhựa uPVC đứng có đường kính D90mm trước khi chảy về hố ga nước mưa.
- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng của Chợ được thu gom chảy vào các hố ga có kích thước 0,8x0,8m được bố trí với khoảng cách từ 10 đến 30m trên tuyến cống thoát nước có đường kính D1000 chạy dọc vỉa hè hai bên các trục đường giao thông nội bộ khu Chợ sau đó chảy vào hệ thống thu gom nước mưa chung của khu vực.
- Hệ thống thoát nước mưa sẽ được nạo vét định kỳ để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động tốt nhằm khi mưa lớn có thể thoát nhanh nhất.

5.4.2. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

Căn cứ Bản đồ quy hoạch thoát nước mưa và thoát nước thải đính kèm Quyết định 3360/QĐ-UBND ngày ngày 17 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ đầu mối phía Bắc thành phố thuộc xã Tân Xuân (nay thuộc xã Xuân Thới Đông) huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh: Hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải đều được tách riêng theo quy định. Nước thải sau xử lý tự chảy vào hố ga giám sát nội bộ sau đó đầu nối vào hố ga của hệ thống thoát nước mưa toàn khu.

Trên cơ sở đó, Chủ đầu tư đã tiến hành việc các thủ tục đầu tư xây dựng và đã thực hiện thi công xây dựng và hoàn công hệ thống thoát mưa và thoát nước thải của dự án theo đúng quy hoạch được duyệt. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hố ga giám sát nội bộ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

sau đó đầu vào hố ga của hệ thống thoát nước mưa toàn khu (trên đường số 10 của dự án Khu dân cư chợ đầu mối phía Bắc Thành phố).

Căn cứ theo:

+ Quyết định số 3543/QĐ-SGTVT ngày 02 tháng 07 năm 2018 của Sở Giao thông vận tải về phân cấp quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật dự án Khu dân cư chợ đầu mối phía Bắc Thành phố, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn. Cụ thể, theo phụ lục đính kèm Quyết định thì toàn bộ các tuyến đường giao thông, vỉa hè và hệ thống thoát nước của dự án Khu dân cư chợ đầu mối phía Bắc Thành phố sẽ được bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn quản lý.

+ Công văn số 2795/UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về tiếp nhận và phân cấp quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật dự án Khu dân cư chợ đầu mối phía Bắc Thành phố.

+ Công văn số 251/UBND-QLĐT ngày 20 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Hóc Môn về việc chấp thuận đầu nối thoát nước từ trạm xử lý nước thải của dự án chợ đầu mối phía Bắc vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

+ Giấy phép thi công đầu nối số 12/GPTC-UBND ngày 20/02/2025 về việc thi công đầu nối thoát nước từ trạm xử lý nước thải của dự án Chợ đầu mối phía Bắc thành phố vào hố ga A28, đường số 10, xã Xuân Thới Đông để thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

+ Hệ thống thu gom nước thải bao gồm:

– Các tuyến mương thu gom nước kín kích thước cống D300-D400 bố trí các hố ga 800x800 cách khoảng 30m để đầu nối các đường ống thoát nước thải.

– Trong khu vực Khu nhà lồng chợ thịt: Bố trí các mương thu nước rửa sàn có độ dốc 1% về phía hố thu gom có bố trí lưới lọc rác, các hố thu được kết nối với nhau bằng ống uPVC D200, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung dẫn về HTXLNT.

– Khu vực trạm ép rác: Bố trí mương hở D300xH400 dẫn nước thải rỉ rác về hệ thống xử lý nước thải.

– Nguồn phát sinh nước thải tại cơ sở bao gồm:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa vệ sinh nhà lồng khu chợ thịt.

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn.

+ Nước thải lau sàn, rửa nhà vệ sinh.

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ kinh doanh ăn – uống.

+ Nước thải rỉ rác từ khu ép rác (tại đây hiện chỉ tập kết, luân chuyển rác, không diễn ra hoạt động ép rác).

– Toàn bộ nước thải được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320 m³/ngày đêm.

– Nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống D600 đầu nối vào hố ga A28, đường số 10, xã Xuân Thới Đông để thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

5.4.3. Hệ thống thu gom chất thải rắn

❖ Chất thải rắn thông thường

– Đối với chất thải rắn thông thường, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Một Thành Viên Môi trường Đô Thị Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quét dọn và thu gom và vận chuyển về khu tập kết rác.

– Để thuận tiện cho công tác quét dọn và thu gom rác, Chủ cơ sở đã bố trí 09 thùng rác loại 120 lít tại một số điểm dọc tuyến đường nội bộ xung quanh chợ; bố trí 28 thùng rác loại 240 lít trong khu vực chợ rau, chợ thịt; bố trí 05 thùng rác loại 660 lít để nhân viên công ty TNHH Một Thành Viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng để gom rác đưa về trạm ép rác kín (tại đây hiện chỉ tập kết, luân chuyển rác, không diễn ra hoạt động ép rác).

– Trạm ép rác có diện tích 1.711m², nền bê tông cốt thép, tường gạch cao 5m bao quanh. Xung quanh nền có mương thu gom nước rỉ rác dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Hiện tại, công tác ép rác đã ngừng hoạt động mà chủ yếu tập kết rác để Công ty TNHH Một Thành Viên Môi trường Đô Thị Thành phố Hồ Chí Minh đến thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý.

❖ Quản lý chất thải rắn nguy hại

– Chất thải rắn nguy hại tại Chợ phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy thải, các bao bì hóa chất dùng trong hệ thống xử lý nước thải, dầu nhớt để bảo trì bảo dưỡng máy phát điện và máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải. Chất thải này được nhân viên công ty thu gom, phân loại trong các thùng chứa có dán nhãn riêng biệt để cảnh báo chất thải nguy hại tại kho lưu trữ chất thải nguy hại và định kỳ được Công ty TNHH Một Thành Viên Môi trường Đô Thị Thành phố Hồ Chí Minh thu gom, vận chuyển đi xử lý.

– Chủ cơ sở đã bố trí 03 thùng nhựa lớn 120 lít có dán nhãn chất thải nguy hại, đặt tại kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 7,6m² trong khuôn viên khu vực hệ thống xử lý nước thải.

– Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng với kết cấu nền bê tông, tường bằng tôn, khung thép, có mái che lợp tôn.

Bảng 10. Bảng tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở

STT	Công trình	Hiện trạng
1	Hệ thống thu gom thoát nước thải	Đã hoàn thành
2	Hệ thống thoát nước mưa	Đã hoàn thành
3	Khu vực lưu chứa CTNH diện tích 7,6m ²	Đã hoàn thành
4	Trạm ép rác diện tích 1.711m ²	Đã hoàn thành
5	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải.	Đã hoàn thành

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Công trình	Hiện trạng
6	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Đã hoàn thành
7	Bể tự hoại 3 ngăn. Hệ thống xử lý nước thải công suất 320 m ³ /ngày đêm.	Đã hoàn thành

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn, 2025)

5.4.4. Hệ thống giao thông

- Hệ thống giao thông nội bộ trong khuôn viên Công ty đã được thi công hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lưu trữ, công tác xuất nhập hàng hóa.
- Hệ thống giao thông khu vực chợ được kết nối với đường Nguyễn Thị Sóc và các đường bao quanh chợ.
- Đường nội bộ bên trong khu chợ có chiều rộng từ 5m đến 8m.
- Mặt đường được thiết kế 2 mái với độ dốc ngang 2%, độ dốc dọc 0,5 - 1%, đảm bảo thoát nước ngang đến các hố ga.

5.4.5. Hệ thống phòng cháy chữa cháy

- Tại vị trí cầu thang mỗi tầng có họng cứu hỏa và bình CO₂ chữa cháy.
- Hệ thống báo nhiệt và khói được đặt tại những vị trí quan trọng, luôn trong trạng thái mở để truyền tín hiệu thông suốt, liên tục đến bộ phân trực và bảo vệ an toàn chợ.
- Các bảng chỉ dẫn phòng cứu hỏa đặt ở nơi dễ thấy, dễ đọc và được đặt tại có vị trí quan trọng ở mỗi tầng của công trình.

Bảng 11. Thống kê các các phương tiện phòng PCCC tại Cơ sở

STT	Tên phương tiện	Số lượng	Vị trí
1	Áo, quần, mũ, ủng cứu nạn, cứu hộ	10 bộ	Phòng bảo vệ
2	Khẩu trang cứu nạn, cứu hộ	56 cái	Phòng bảo vệ
3	Xà beng	02 cái	Phòng bảo vệ
4	Búa tạ	02 cái	Phòng bảo vệ
5	Đèn chiếu sáng cầm tay	10 cái	Phòng bảo vệ
6	Bể chứa nước 120 m ³	1 bể	Khu xử lý nước giếng ngầm
7	Máy bơm nước	2 cái	Khu xử lý nước giếng ngầm

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Chợ đầu mối phía Bắc Thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) nằm sát Quốc lộ 22 (đường Xuyên Á) hướng đi Tây Ninh và Campuchia, đồng thời nằm gần ngã tư An Sương nơi giao cắt hai trục giao thông chính là đường Trường Chinh về trung tâm TP.HCM và Quốc lộ 1A hướng đi các tỉnh Miền Tây, Miền Đông. Do đó, vị trí Chợ được xem là nơi thuận lợi cho việc vận chuyển, cung ứng hàng hóa giữa thành phố và các tỉnh, các chợ lẻ, các bếp ăn tập thể, khu công nghiệp, khu chế xuất, nhà hàng, khách sạn...trên địa bàn thành phố.

Chợ đã được quy hoạch và thực hiện theo đúng chủ trương của UBND Thành phố Hồ Chí Minh theo các Quyết định:

- Quyết định số 6644/QĐ-UB ngày 11/10/2001 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc duyệt dự án xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) của Công ty Thương mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn;

- Quyết định số 8427/QĐ-UB ngày 12/12/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và giao đất cho Công ty thương mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn để tổ chức đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn);

- Quyết định số 666/QĐ-UB ngày 14/02/2003 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự án xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) của Công ty Thương Mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn;

- Quyết định số 1303/QĐ-UB ngày 24/03/2006 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự án xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) của Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn làm chủ đầu tư;

- Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 06/03/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chợ đầu mối phía Bắc thành phố thuộc xã Tân Xuân (sau thuộc xã Xuân Thới Đông) huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn làm chủ đầu tư;

- Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 17/05/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chợ đầu mối phía Bắc thành phố thuộc xã Tân Xuân (nay thuộc xã Xuân Thới Đông) huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 5811/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 của Quyết định số 8427/QĐ-UB ngày 12/12/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi và giao đất cho Công ty Thương mại đầu tư tổng hợp Hóc Môn (nay là Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn) để tổ chức đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn) của Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn làm chủ đầu tư;

- Quyết định số 4365/QĐ-UB ngày 05/08/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chợ đầu mối phía Bắc thành phố thuộc xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh;

Ngoài ra, xét theo phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022, khu vực thực hiện dự án không nằm trong khu vực bảo tồn hạn chế phát triển, không nằm trong vùng phòng hộ môi trường, không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt hệ sinh thái.

Theo quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường của quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Với quan điểm quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, chuyển dịch năng lượng công bằng, góp phần thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030. Với các mục tiêu: Quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của người dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường thì cơ sở hiện hoàn toàn phù hợp theo hướng phát triển bền vững, kiểm soát chất lượng nước thải khí thải trước khi xả ra môi trường.

Theo quyết định số 1711/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Định hướng phát triển mạnh mẽ kinh tế số, công nghiệp công nghệ cao và mô hình kinh tế xanh. Mục tiêu hướng tới ý lệ che phủ rừng khoảng 16%, đảm bảo tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%, hướng đến năm 2030, tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ mới hiện đại có thu hồi năng lượng, đốt chất thải rắn phát điện và tái chế đạt 90%, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp giảm còn 10% so với lượng chất thải được thu gom, tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường trên 80%; tỷ lệ nước thải công nghiệp, nước thải y tế được xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường đạt tỷ lệ 100%. Thì hiện tại, hoạt động của cơ sở hoàn toàn đáp ứng với các tiêu chí về xử lý 100% nước thải trước khi xả ra môi trường, chất thải được thu gom, xử lý và chuyển giao cho đúng cơ quan có chức năng, phù hợp với tiêu chí phát triển bền vững đang hướng tới của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Quốc tế nói chung.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

 **Đối với nước thải:**

+ Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (k=1,0) được thoát ra cống thoát nước thành phố trên đường số 10 (theo văn bản số 251/UBND-QLĐT ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn về chấp thuận đầu nối thoát nước từ trạm xử lý nước thải của dự án chợ đầu mối phía Bắc thành phố vào hồ ga A28 đường số 10, xã Xuân Thới Đông để thoát vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

+ Theo Thông tư 76/2017/TT-BTNMT Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, suối, kênh, rạch, đầm, hồ và Điều 82 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT về sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư 76/2017/TT-BTNMT về việc đánh giá khả năng chịu tải áp dụng cho nguồn tiếp nhận là nguồn nước mặt, vì vậy với nguồn tiếp nhận trực tiếp là cống thoát nước chung của Thành phố, cơ sở không thuộc đối tượng phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải.

Để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ cũng như giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường, Cơ sở đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất 320 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) trước khi thoát ra hệ thống cống thoát nước chung của khu vực, Chủ cơ sở đã thuê đơn vị có chuyên môn vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải luôn đạt quy chuẩn theo quy định.

Đối với khí thải

Cơ sở là Chợ đầu mối nông sản thực phẩm, do đó trong quá trình hoạt động tác động đến môi trường không khí là không đáng kể. Nguồn phát sinh khí thải chủ yếu là từ 01 máy phát điện dự phòng. Tuy nhiên máy phát điện dự phòng tại cơ sở sử dụng dầu DO với hàm lượng S<0,05% và chỉ hoạt động trong thời gian mạng lưới điện quốc gia có sự cố, do đó lưu lượng khí thải phát sinh không nhiều và gián đoạn.

Đối với chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đa phần là chất thải thực phẩm (rau cải, trái cây,.. hư hỏng) và các loại chất thải khác từ bao bì, bìa carton,.. Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển về trạm ép rác (hiện tại đang sử dụng với công năng là điểm tập kết chất thải sinh hoạt) và vận chuyển đến nơi xử lý.

Chất thải nguy hại của Cơ sở đã thực hiện phân loại và bố trí kho lưu chứa. Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển để xử lý theo đúng quy định.

→ Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải đáng kể gây ô nhiễm môi trường, nước thải được thu gom xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, chất thải phát sinh được thu gom và chuyển giao theo đúng quy định, hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng đáng kể đến các cơ sở và hộ dân lân cận. Do đó, cơ sở hoàn toàn đáp ứng khả năng chịu tải của môi trường.

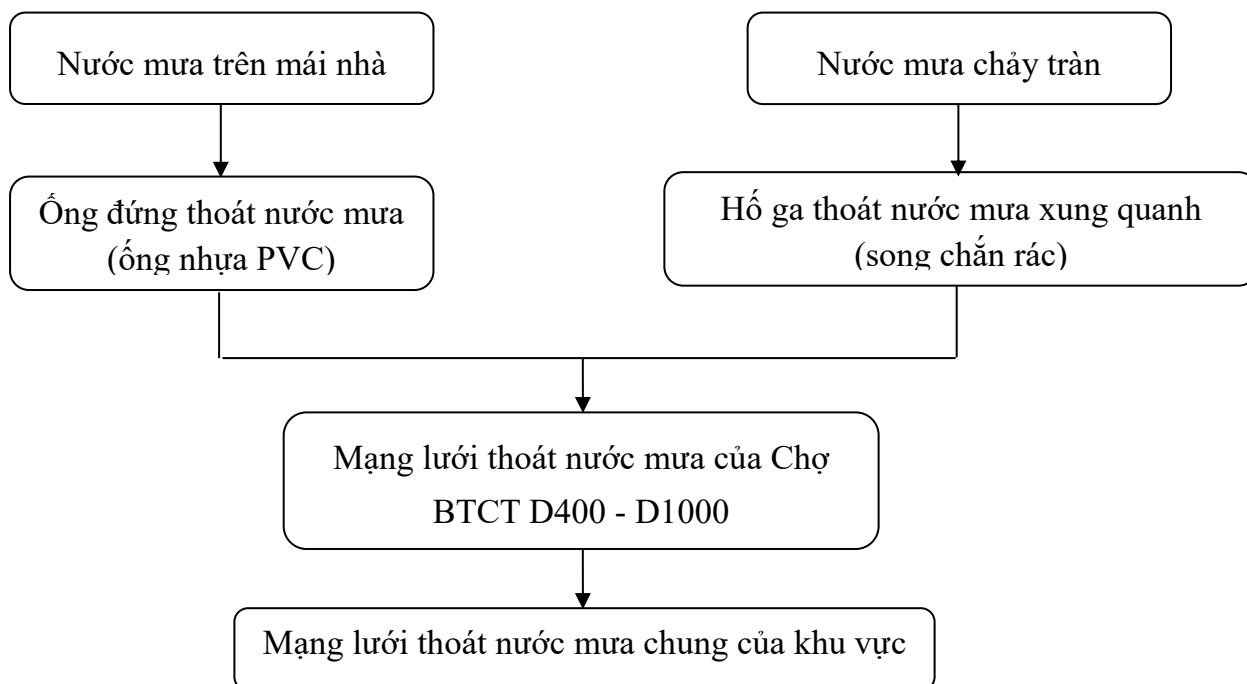
CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải



Hình 8. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Chợ

- Nước mưa từ mái các khu nhà lồng chợ rau, khu nhà lồng chợ thịt, khu văn phòng,...được thu gom bằng Seno và ống nhựa uPVC đứng có đường kính D90mm trước khi chảy về hố ga nước mưa.
- Hệ thống tuyến cống thu gom và thoát nước mưa có đường kính D400 đến D1000 được đặt dưới mặt đất dọc theo các tuyến đường nội bộ, xung quanh khuôn viên chợ. Các tuyến cống thoát nước mưa được bố trí theo nguyên tắc tự chảy với độ dốc 0,4 – 0,5%.
- Hố ga tuyến cống thoát nước mưa ngoài nhà: Sử dụng hố ga hàm ếch kết hợp với nắp dẹt BTCT có lỗ để thu nước mặt đường nội bộ. Các hố ga có kích thước 0,8x0,8m và loại hố ga có kích thước 1,2x1,2m. Khoảng cách trung bình giữa các hố ga khoảng 20-40m.
- Tất cả miệng thu nước mưa đều có song chắn rác.
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa được nạo vét định kỳ để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động tốt nhằm khi mưa lớn có thể thoát nhanh nhất.
- Nước mưa sau khi thu gom sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước mưa của khu vực.

Bảng 12. Bảng thống kê hệ thống cống thoát nước mưa của cơ sở

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống BTCT D1000	270	m
2	Ống BTCT D800	779,3	m

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
3	Ống BTCT D600	1420	m
4	Ống BTCT D400	559	m
5	Hố ga 1200x1200(BTCT)	42	cái
6	Hố ga 800x800(BTCT)	83	cái

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

Bảng 13. Bảng thống kê tọa độ các điểm đầu nổi nước mưa trong khu vực chợ vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

STT	Tên	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	Điểm 1	1200913.762	592961.027
2	Điểm 2	1200914.832	592945.127
3	Điểm 3	1200921.169	592851.589
4	Điểm 4	1200926.618	592771.082
5	Điểm 5	1200932.504	592684.116
6	Điểm 6	1200936.670	592622.565
7	Điểm 7	1201029.609	592554.662
8	Điểm 8	1201090.464	592641.341
9	Điểm 9	1201178.058	592757.559
10	Điểm 10	1201243.309	592859.044
11	Điểm 11	1201275.741	592905.239
12	Điểm 12	1201143.287	592998.139
13	Điểm 13	1201126.748	593009.742
14	Điểm 14	1201110.243	593005.966

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

1.2. Thu gom và thoát nước thải

a. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hầm hoại ba ngăn;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống (Căn – tin);
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của chợ (vệ sinh thịt heo, xịt rửa nhà lồng thịt, xe đẩy thịt heo);
- Nguồn số 04: Nước thải lau sàn, rửa nhà vệ sinh;
- Nguồn số 05: Nước thải vệ sinh từ trạm ép rác.

b. Mạng lưới thu gom nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom triệt để về HTXLNT của Cơ sở theo từng tuyến ống riêng biệt. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở như sau:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của cơ sở được thu gom dẫn về bể tự hoại đặt tại mỗi nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ, nước thải sau xử lý được dẫn về tuyến cống thoát nước chung của cơ sở D300-D400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống (Căn – tin) được thu gom dẫn về tuyến cống thoát nước chung của cơ sở D300-D400 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm để xử lý.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

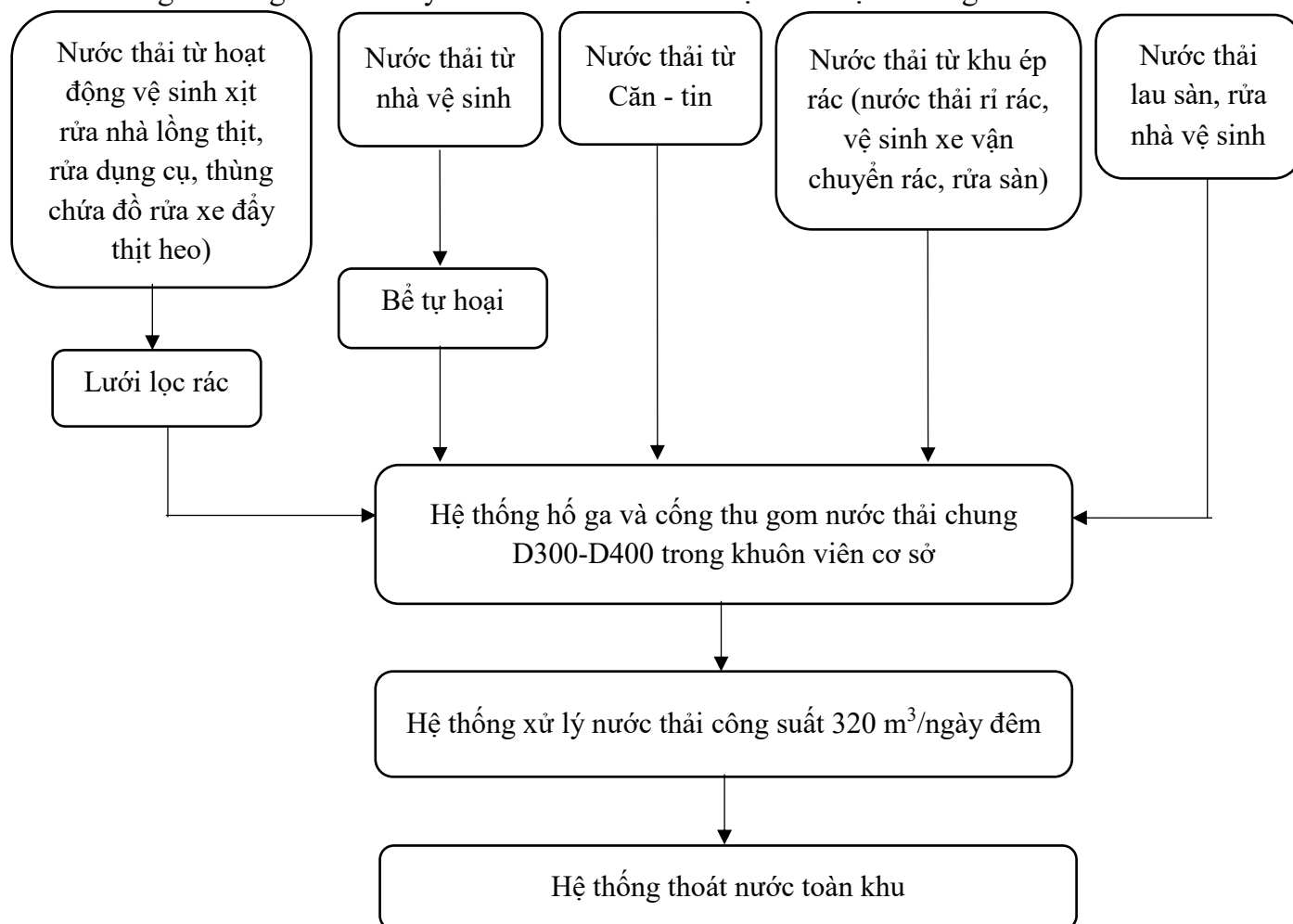
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của chợ (vệ sinh thịt heo, xịt rửa nhà lồng thịt, xe đẩy thịt heo) được thu gom bằng các mương hở, độ dốc thiết kế đảm bảo thu nước về hố ga tập trung từ đó dẫn về tuyến cống thoát nước chung của cơ sở D300-D400 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm để xử lý..

- Nguồn số 04: Nước thải lau sàn, rửa nhà vệ sinh được thu gom bằng các mương hở, độ dốc thiết kế đảm bảo thu nước về hố ga tập trung từ đó dẫn về tuyến cống thoát nước chung của cơ sở D300-D400 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Nước thải vệ sinh từ trạm ép rác được thu bằng các rãnh thu nước bố trí bao quanh trạm ép rác dẫn về hố thu nước sau đó theo tuyến ống D60 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung 320m³/ngày đêm xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B với K = 1 sẽ theo đường cống BTCT D600mm, chiều dài 7,5m thoát ra hệ thống cống thoát nước chung của Thành phố tại hố ga A28, đường số 10 xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn.

Phương án thu gom và xử lý nước thải của cơ sở được thể hiện ở bảng sau:



Hình 9. Sơ đồ thu gom nước thải của Chợ

- Hệ thống thu gom thoát nước thải chung của Chợ tách biệt với hệ thống thoát nước mưa.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- Công thoát nước thải của hệ thống thoát nước thải chung sử dụng cống BTCT D300-D400. Các tuyến cống thoát nước thải được bố trí theo nguyên tắc tự chảy với độ dốc 0,5% - 1%.
- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được xây dựng theo các trục đường của Chợ đảm bảo thu gom triệt để nước thải phát sinh trong khuôn viên Chợ.
- Các hố ga có kích thước 0,8x0,8m được bố trí với khoảng cách trung bình giữa các hố ga khoảng 10m đến 30m để thuận tiện cho công tác đấu nối, thu gom nước thải.
- Nước thải từ khu ép rác được thu gom bằng mương hở D_xH=0,3x0,4m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Trong khu vực Khu nhà lồng chợ thịt: Bố trí các mương thu nước rửa sàn có độ dốc 1% về phía hố thu gom có bố trí lưới lọc rác, các hố thu được kết nối với nhau bằng ống uPVC D200, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung dẫn về HTXLNT.

Theo khoản 2.3 điều 1 của Quyết định số 83/QĐ-STNMT -CCBVMT, Công ty phải hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo thời hạn như sau:

Hệ thống thu gom nước thải từ quá trình rửa xe đẩy thịt và nước thải từ quá trình xịt rửa nhà lồng chợ thịt, không để tràn vào hệ thống thoát nước mưa.

Với yêu cầu trên, Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn (Công ty con của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn) đã tiến hành thực hiện các biện pháp như sau:

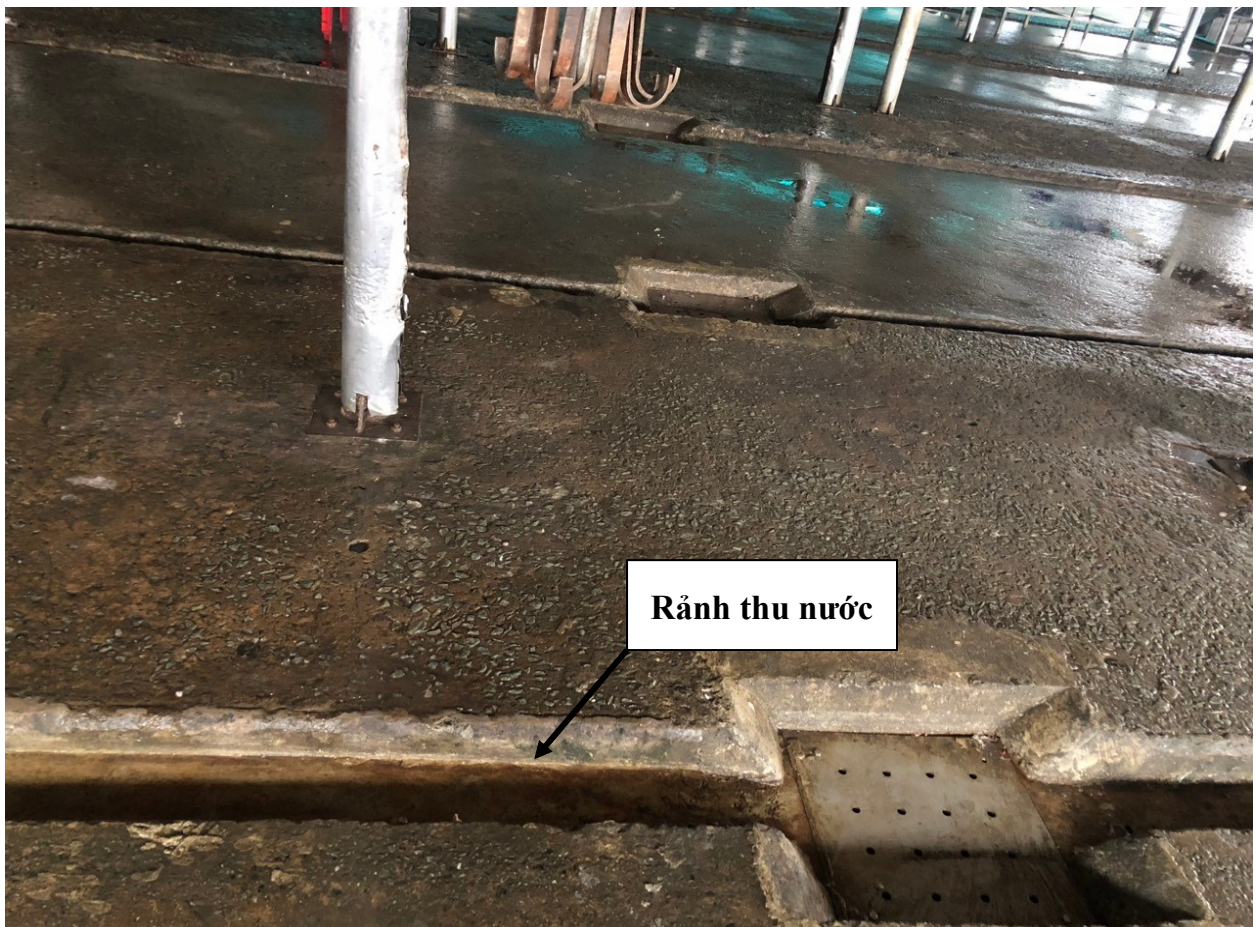
- Nước thải từ quá trình rửa xe đẩy thịt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải, có tường chắn khu vực xịt rửa xe, phễu thu, gờ chắn nước và đường ống để thu nước rửa xe đẩy thịt dẫn về hệ thống thu gom nước thải.





Thu gom nước rửa từ khu vực rửa xe đẩy thịt

– Làm các rãnh nhỏ để thu gom nước thải từ quá trình rửa xe đẩy thịt và nước thải từ quá trình xịt rửa nhà lồng chợ thịt, không để nước thải chảy tràn ra bên ngoài. Nước thải sau khi thu gom vào rãnh này sẽ được dẫn về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án.





Hình 10. Thu gom nước thải từ khu nhà lồng chợ thịt

Bảng 14. Bảng thống kê khối lượng tuyến cống thoát nước thải của cơ sở

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Ống D400	315	m
2	Ống D300	382	m
3	Ống D200	16	m
4	Hố ga 800x800 (BTCT)	41	cái

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

❖ **Điểm xả nước thải sau khi xử lý:**

Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải sẽ tự chảy vào hố ga giám sát sau đó chảy vào cống BTCT D600 dài khoảng 7,8m dẫn ra hệ thống cống thoát nước trên đường số 10, xã Xuân Thới Đông, tại hố ga A28 (theo văn bản số 251/UBND-QLĐT ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc chấp thuận đầu nối thoát nước từ trạm xử lý nước thải của dự án chợ đầu mối phía Bắc Thành phố vào hố ga A28 đường số 10, xã Xuân Thới Đông để thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố).

Tọa độ điểm đầu nối nước thải là: X (m) = 1.201.018; Y(m) = 592.571



Hình 11. Vị trí hố ga giám sát của hệ thống xử lý nước thải

1.3 Xử lý nước thải

1.3.1 Bể tự hoại

Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Bảng 15. Dung tích bể tự hoại trong khuôn viên chợ

STT	Khu vực	Kích thước	Dung tích BTH (m ³)	Số lượng
1	Bể tự hoại 3 ngăn	1,8 x 1,8 x 1,3m	4m ³	08

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

Tường xây bằng bê tông cốt thép có chống thấm, đáy bằng tấm đan. Bể xây 3 ngăn (ngăn chứa, 02 ngăn lắng).

Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và BOD₅ là 60 - 65%.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 6 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

Nước thải và cặn lơ lửng tiếp tục chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba lắng và lọc trước khi chảy qua hố ga thu gom nước

thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất 320m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột B của QCVN14:2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

1.3.2 Hệ thống xử lý nước thải

❖ Quy trình xử lý nước thải

Công nghệ của hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở trước năm 2020 như sau:

Nước thải → Ngăn tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể tiếp xúc Chlorine → Xả ra nguồn tiếp nhận.

Đối với bùn vi sinh của hệ thống nước thải:

Bùn thải → Bể nén bùn → Đơn vị có chức năng Hút bùn định kỳ

Đến năm 2020, Chủ cơ sở đã tiến hành cải tạo hệ thống xử lý nước thải để xử lý triệt để amoni và photpho, công nghệ sau cải tạo như sau:

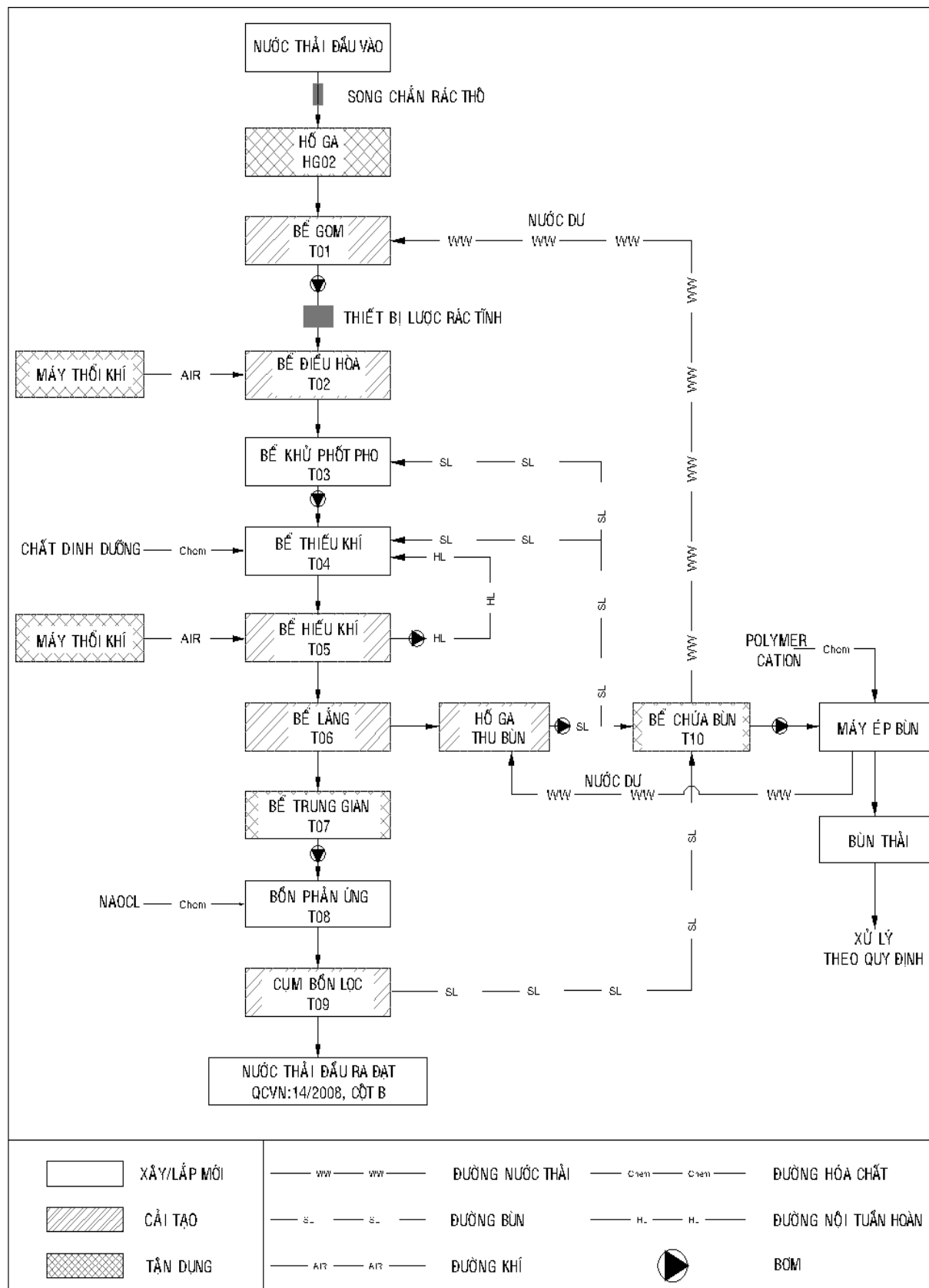
Nước thải → SCR thô → Hố ga → Bể thu gom → Thiết bị lọc rác tinh → Bể điều hòa → Bể khử Photpho → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn phản ứng → Bồn lọc áp lực → Xả ra nguồn tiếp nhận.

Đối với bùn vi sinh từ hệ thống xử lý nước thải:

Bùn thải → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Thu gom đưa đi xử lý theo quy định

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Sơ đồ Công nghệ sau cải tạo hệ thống xử lý nước thải:



Hình 12. Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ các nguồn thải được thu gom vào hệ thống thoát nước thải và dẫn về bể thu gom nước thải.

+ **Bể thu gom** có nhiệm vụ tập trung nước thải từ các tuyến ống trên mạng lưới thoát nước thải. Trong bể thu gom có bố trí giỏ tách rác thô có nhiệm vụ tách loại rác có kích thước lớn nhằm tránh làm tắc nghẽn hệ thống bơm và các công trình đơn vị phía sau. Đồng thời trong bể thu gom sẽ được bố trí bơm để bơm nước thải lên các công trình xử của hệ thống.

+ **Bể điều hòa** có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng quá tải. Trước khi vào bể điều hòa, nước thải được đi qua thiết bị **tách rác tinh** nhằm loại bỏ các mảnh rác nhỏ, các vật rắn có kích thước nhỏ ra khỏi nước thải.

+ **Bể khử photpho**: Sau khi điều hòa nồng độ và lưu lượng nước thải được bơm qua bể khử Photpho. Bể khử photpho được trang bị thiết bị khuấy trộn để khuấy trộn đều nước thải và bùn sinh học. Môi trường thiếu khí trong bể là điều kiện để vi sinh vật tùy tiện xử lý Photpho có trong nguồn nước.

+ **Bể thiếu khí**: Nước thải sau qua bể khử photpho sẽ tiếp tục đi vào bể anoxic và được trộn đều với hỗn hợp nước thải được bơm từ bể aerotank về để thực hiện quá trình xử lý nitơ. Cụ thể, trong nước thải của chợ thịt và trong nước thải sinh hoạt sẽ có lượng lớn amoni. Lượng amoni này sẽ được chuyển hóa thành nitrat bể Aerotank sau đó sẽ được bơm tuần hoàn trở lại bể anoxic để thực hiện quá trình khử nitrat và giải phóng nitơ ra khỏi nước thải dưới dạng khí nitơ tự do.

+ **Bể hiếu khí**: Nước thải sau đó tiếp tục chảy vào bể Aerotank để tiếp tục xử lý các chất hữu cơ có trong nguồn nước và oxy hóa Nito Anmoni thành Nitrit và Nitrat. Sau khi tiến hành quá trình xử lý sinh học, phần lớn các chất hữu cơ có trong nước thải được loại bỏ. Tiếp đó, nước thải được dẫn qua bể lắng.

+ **Bể lắng**: bể lắng có chức năng lắng các bông bùn sinh học trong dòng nước chảy từ bể aerotank qua. Phần bùn sinh học lắng dưới đáy bể lắng sinh học được bơm tuần hoàn một phần về bể khử phot để thực hiện quá trình khử photpho và bổ sung lại nguồn vi sinh vật cho hệ thống xử lý. Phần bùn dư sẽ được bơm qua bể chứa bùn.

+ **Bể trung gian**: Nước từ bể lắng chảy qua bể trung gian, tại đây hóa chất khử trùng là chlorine sẽ được châm vào để tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh.

+ **Bồn phản ứng**: Nước thải sau khi được khử trùng sẽ tiếp tục được bơm vào bồn phản ứng. Chlorine được châm vào bồn để khử trùng.

+ **Bồn lọc áp lực**: Nước sau khi qua bồn phản ứng sẽ chảy qua bồn lọc để tách loại các kết tủa photpho và các chất rắn còn lại trong dòng nước trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Phần nước rửa lọc sẽ chảy về bể điều hòa để tiếp tục được xử lý lại theo quy định.

+ **Bể chứa bùn**: Bùn dư từ bể lắng sinh học và bùn từ bồn lọc áp lực được đưa về bể chứa bùn. Bùn trong bể chứa được lưu trữ nhằm làm cho chất hữu cơ phân hủy và giảm thể tích. Nồng độ bùn dao động trong khoảng 0,8-1,0%. Nước tràn sẽ tự chảy về bể thu gom.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

+ **Máy ép bùn:** Từ bể chứa bùn sẽ được bơm lên máy ép bùn đa đĩa bằng bơm bùn khí nén để tiến hành quá trình tách nước. Trong quá trình này, polymer sẽ được châm vào như là chất phụ trợ nhằm gia tăng kích thước của các hạt bùn và tăng hiệu suất tách nước trong bùn. Bùn sau khi tách nước ở dạng bánh sẽ được đưa đi xử lý theo quy định. Nước từ quá trình tách bùn sẽ được thu về hố thu bùn để tiếp tục xử lý.

❖ **Tổng hợp các đơn vị công trình trong hệ thống**

Bảng 16. Chi tiết các công trình đơn vị của HTXLNT

TT	Hạng mục	Vật liệu	D _{xd} (m)	R _{xd} (m)	C _{xd} (m)	C _{tt} (m)	V (m ³)	H _{RT} (h)
1	Bể gom	BTCT	2,6	2,6	3,2	3,5	21,63	1,6
2	Bể điều hòa	BTCT	7,6	3,3	3,2	3,5	80,26	6,0
			2,6	2,6	3,2	3,5	21,63	1,6
3	Bể khử photpho	Inox 304	3	3	3,2	3,5	28,80	2,2
4	Bể Anoxic	Inox 304	6	3	3,2	3,5	57,60	4,3
5	Bể Aerotank 1	BTCT	7,6	3,3	3,2	3,5	80,26	6,0
6	Bể Aerotank 2	BTCT	7,6	3,3	3,2	3,5	80,26	6,0
7	Bể lắng sinh học	BTCT	5		3,2	3,5	62,80	4,7
8	Bể khử trùng	BTCT	3,7	3,7	3,2	3,5	43,81	3,3
9	Bồn phản ứng	Inox 304	0,8		1,2	1,5	0,60	
10	Bồn lọc	Composite	1		2,2	2,5	1,73	
11	Bể chứa bùn	BTCT	3,7	3,7			13,69	
12	Nhà điều hành	BTCT	7,6	4,1			31,16	
13	Nhà hóa chất	BTCT	7,6	3,9			29,64	
15	Nhà đặt máy ép bùn	BTCT	3,7	3,3			12,21	

❖ **Thuyết minh quy trình vận hành hệ thống**

a) Bể gom

- Kích thước bể: D x R x C (m) = 2,6 x 2,6 x 3,5 (m)
- Chức năng: là nơi tập trung toàn bộ nước thải của Chợ trước khi qua hệ thống xử lý nước thải.

Thiết kế của Bể gom T01 được tính toán cho công suất 320 m³/ngày đêm.

Lưu lượng trung bình : Q_{tb} = 13,3 m³/giờ

Hệ số giờ cao điểm : K = 1,5 – 2 (chọn K = 1,65)

Lưu lượng giờ cao điểm : Q_{cd} = Q_{tb} x K = 13,3 x 1,65 = 21,945 m³/h

Thời gian lưu nước : HRT = 30 phút

- Thiết bị:

• **Tách rác thô (1 bộ)**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- Vật liệu : Inox 304
- Dạng : Song chắn rác
- Kích thước lưới : 10 mm
- Chức năng : Giữ lại cặn thô có kích thước lớn để tránh làm hư, nghẹt bơm

• **Bơm nước thải (2 bộ)**

- Kiểu bơm : Bơm chìm nước thải
- Model : CN651
- Lưu lượng : $15\text{m}^3/\text{h}$
- Công suất : 1,5kW/3 pha/380V/50Hz
- Cột áp : 6m
- Hãng sản xuất : Shinmaywa - Nhật Bản

- Vận hành:

+ Trường hợp vận hành tự động (AUTO): hoạt động luân phiên theo thời gian thời gian lập trình ON 60 phút OFF 60 phút

+ Trường hợp vận hành bằng tay (MAN): Khi chỉ yêu cầu 1 trong hai bơm chạy, bơm còn lại được sửa chữa, hoặc bảo trì.

+ Hai bơm sẽ hoạt động theo tín hiệu của phao, việc cài đặt thời gian hoạt động cho bơm được cài đặt trong PLC (phần công tắc bơm điều khiển ở tủ điện hiện hữu của hệ thống).

+ Vệ sinh tách rác thô hàng ngày.

• **Phao mực nước**

+ Chức năng: Truyền tín hiệu cho bơm điều hòa hoạt động

b) Bể Điều hòa

- Kích thước bể: D x R x C (m) = 7,6 x 3,3 x 3,5 (m)
- Chức năng: Điều chỉnh sự biến thiên lưu lượng của nước thải, tránh biến động hàm lượng chất hữu cơ có trong nước thải
- Thể tích bể điều hòa được cải tạo tăng thêm từ bể gom D x R x C(H) = $2,6 \times 2,6 \times 3,2(3,5) \text{ m}^3$

• **Tách rác tinh (1 bộ)**

- Vật liệu : Inox 304
- Dạng : Song chắn rác
- Kích thước lưới: 1 mm
- Kích thước máy: LxH = 700x1425mm
- Chức năng : Loại bỏ các loại cặn rác có kích thước lớn hơn 1 mm

• **Bơm nước bể điều hòa (2 bộ)**

- Kiểu bơm : bơm ly tâm trục ngang loại cánh hở
- Model : DWO200
- Lưu lượng : $Q = 15\text{m}^3/\text{h}$,
- Cột áp : 8m
- Công suất : 1,5kW/3 pha/380V/50Hz
- Hãng sản xuất : Ebara - Ý

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

– Vận hành:

+ Trường hợp bơm hoạt động ở chế độ AUTO: hoạt động luân phiên theo thời gian lập trình ON 60 phút OFF 60 phút.

+ Trường hợp vận hành bằng tay (MAN): Khi chỉ yêu cầu 1 trong hai bơm chạy, bơm còn lại được sửa chữa, hoặc bảo trì.

+ Bơm chỉ hoạt động khi mực nước trong bể điều hòa cao trên mức phao cạn.

c) Bể khử Photpho

– Kích thước bể: $D \times R \times C \text{ (m)} = 3,0 \times 3,0 \times 3,5 \text{ (m)}$

– Chức năng: Tạo môi trường thiếu khí để vi sinh vật tùy tiện xử lý photpho có trong nguồn nước

• Máy khuấy trộn (01 bộ)

- Kiểu : Motor khuấy giảm tốc
- Công suất : 0,75 kW/ 3 pha/380V/50Hz
- Tốc độ : 60 – 80 vòng/ phút
- Hãng sản xuất : Đài Loan
- Chức năng : tránh lắng cặn của bùn hoạt tính trong bể

– Vận hành:

+ Trường hợp bơm hoạt động ở chế độ AUTO: hoạt động theo thời gian lập trình ON 50 phút OFF 10 phút.

+ Trường hợp vận hành bằng tay (MAN): Khi chỉ yêu cầu 1 trong hai bơm chạy, bơm còn lại được sửa chữa, hoặc bảo trì.

d) Bể sinh học thiếu khí (Anoxic)

– Kích thước bể: $D \times R \times C \text{ (m)} = 6 \times 3 \times 3,5 \text{ (m)}$

– Chức năng: Khử lượng Nitrat có trong nước thải sau khi qua bể khử Photpho

– Vận hành:

+ Trong bể Anoxic được trang bị thiết bị khuấy trộn để trộn đều nước thải và dòng tuần hoàn; tạo điều kiện cho phản ứng khử nito ổn định. Ngoài ra, nồng độ oxy trong bể Anoxic cần nhỏ hơn 0.5 mg/L.

+ Bể khử Anoxic cũng là bể thiếu khí nên các vi khuẩn khử nito sẽ hoạt động để chuyển hóa Nitrat thành Nitơ tự do và tách ra khỏi dòng nước.

• Máy khuấy trộn (2 bộ)

- Kiểu : Motor khuấy giảm tốc
- Công suất : 0,75 kW/ 3pha/380V/50Hz
- Tốc độ : 60 – 80 vòng/ phút
- Hãng sản xuất : Đài Loan
- Chức năng : tránh lắng cặn của bùn hoạt tính trong bể

– Vận hành:

+ Hoạt động ở chế độ AUTO và chế độ MAN, hoạt động luân phiên theo thời gian lập trình ON 60 phút OFF 60 phút.

e) Bể sinh học hiếu khí (Aerontank)

– Kích thước bể: $D \times R \times C \text{ (m)} = 6,8 \times 7,6 \times 3,5 \text{ (m)}$

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

– Chức năng: xử lý các chất hữu cơ có trong nguồn nước và oxy hóa Ammoniac thành Nitrit và Nitrat.

• **Máy thổi khí (3 bộ)**

- Kiểu bơm : Root
- Model : GT-065
- Lưu lượng : $Q = 3\text{m}^3/\text{phút}$
- Cột áp : 4m
- Công suất : 5,5 kW/ 3pha/380V/50Hz
- Hãng sản xuất : Goldentech - Đài Loan
- Chức năng : Thổi khí bể điều hòa và bể Aerotank

– Vận hành:

+ Máy thổi khí: Khi đặt ở chế độ vận hành tự động (AUTO): 3 máy sẽ luân phiên hoạt động theo cài đặt thời gian, 4 tiếng đổi máy 1 lần (phần công tắc bơm điều khiển ở tủ điện của hệ thống).

+ Trường hợp vận hành bằng tay (MAN) : khi xảy ra sự cố, 1 trong 3 máy cần bảo trì hoặc trong trường hợp cần cung cấp lượng khí lớn cho bể.

+ Luôn cung cấp đủ khí (máy thổi khí chạy liên tục) cho vi sinh vật trong bể, trường hợp ngưng cấp khí để sửa chữa không nên quá 4 tiếng. Thường xuyên kiểm tra bùn, đo chỉ số SV (Bình đựng 1 lít nước thải, để lắng trong 30 phút, quan sát và ghi lại chỉ số bùn).

• **Bơm nội tuần hoàn (2 bộ)**

- Kiểu : Bơm ly tâm trục ngang loại cánh hở
- Model : 3D 40-125/1.5
- Lưu lượng : $25\text{ m}^3/\text{h}$
- Cột áp : 10 m
- Công suất : 1,5 kW/ 3pha/380V/50Hz
- Hãng sản xuất : Ebara - Ý
- Chức năng : bơm nước tuần hoàn từ bể aerotank về bể anoxic

– Vận hành:

+ Trường hợp bơm hoạt động ở chế độ AUTO: hoạt động luân phiên theo thời gian lập trình ON 60 phút OFF 60 phút.

+ Trường hợp vận hành bằng tay (MAN): Khi chỉ yêu cầu 1 trong hai bơm chạy, bơm còn lại được sửa chữa, hoặc bảo trì.

f) Bể lắng

- Kích thước: $D \times H = 5 \times 3,5\text{ (m)}$
- Chức năng: tách các bông bùn sinh học trong dòng nước sau bể aerotank.

• **Bơm bùn (2 bộ)**

- Kiểu : Bơm chìm
- Model : CN651
- Lưu lượng : $15\text{ m}^3/\text{h}$
- Cột áp : 10 m
- Công suất : 1,5 kW/ 3pha/380V/50Hz

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- Hãng sản xuất : Shinmaywa – Nhật Bản
- Chức năng : bơm bùn từ bể lắng về bể khử Phốt pho và bể chứa bùn
- Vận hành:
 - + Trường hợp bơm hoạt động ở chế độ AUTO: hoạt động luân phiên theo thời gian lập trình ON 60 phút OFF 10 phút.
 - + Trường hợp vận hành bằng tay (MAN): Khi chỉ yêu cầu 1 trong hai bơm chạy, bơm còn lại được sửa chữa, hoặc bảo trì.

• **Motor cào bùn (1 bộ)**

- Kiểu : Motor khuấy giảm tốc
- Công suất : 0,55 kW/3pha/380V/50Hz
- Tốc độ : 15 vòng/ phút
- Hãng sản xuất : Mitsubishi – Nhật Bản
- Chức năng : Cào bùn về rón thu bùn bể lắng
- Vận hành:
 - + Trường hợp bơm hoạt động ở chế độ AUTO: hoạt động theo thời gian lập trình ON 60 phút OFF 10 phút.
 - + Trường hợp vận hành bằng tay (MAN): Chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.

g) Bể trung gian

• **Bơm lọc áp lực (2 bộ)**

- Kiểu : Bơm ly tâm trục ngang
- Model : CM 15-2 A-R-A-E-AVV-BEF-A-A-N
- Lưu lượng : 17 m³/h
- Cột áp : 30m
- Công suất : 2,2/3pha/380V/50Hz
- Hãng sản xuất : Grundfos – Đan Mạch
- Chức năng : Bơm nước từ bể khử trùng lên bồn phản ứng&bồn lọc.
- Vận hành:
 - + Trường hợp bơm hoạt động ở chế độ AUTO: hoạt động theo phao mực nước và luân phiên theo thời gian lập trình ON 60 phút OFF 60 phút.
 - + Trường hợp vận hành bằng tay (MAN) Khi chỉ yêu cầu 1 trong hai bơm chạy, bơm còn lại được sửa chữa, hoặc bảo trì.

• **Phao mực nước (1 bộ)**

- Chức năng: Truyền tín hiệu cho bơm lọc hoạt động

h) Khu vực hóa chất

Bảng 17. Thiết bị sử dụng khu vực hóa chất

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên lý hoạt động
1	Bơm định lượng Chlorine	Dạng bơm màng Lưu lượng 20 – 50 L/hr	Cái	2	Hoạt động theo bơm nước thải bể điều hòa.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên lý hoạt động
		Cột áp: 5 bar			
2	Bơm định lượng Cation Polymer	Dạng bơm màng Lưu lượng 20 – 50 L/hr Cột áp: 5 bar	cái	1	Chạy On/Off theo người vận hành (điều khiển tại máy ép bùn).
3	Motor khuấy Cation Polymer	Tỷ số truyền: 1/40 Vận tốc: 40 vòng/phút Công suất: 0,37kW/380V/50Hz	Cái	1	Chạy On/Off theo người vận hành (điều khiển tại máy ép bùn).

g) Khu vực ép bùn

Bảng 18. Thiết bị sử dụng khu vực máy ép bùn

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên lý hoạt động
1	Máy ép bùn trục vít đa đĩa	Công suất max: 1.5m ³ /h Công suất motor trộn: 0,37kW/380V/50Hz	Máy	1	Chạy On/Off các thiết bị theo người vận hành.
2	Bơm bùn vào máy ép bùn	Kiểu bơm: bơm màng khí nén Lưu lượng max 5m ³ /h Cột áp max 6,9 bar	Bơm	1	Chạy On/Off theo người vận hành (điều khiển tại máy ép bùn).
3	Máy nén khí	Công suất: 2,2kW/380V/50Hz Áp suất: 8kg/cm ² Thể tích: 120l	Máy	1	Chạy theo tín hiệu áp suất trong bình nén khí
4	Bơm nước rửa máy ép bùn	Lưu lượng: 45lit/phút Cột áp: 30m Công suất: 200W/220V/50hz	Bơm	1	Chạy theo tín hiệu của máy ép bùn.

❖ Hóa chất để sử dụng

Bảng 19. Bảng hóa chất sử dụng

TT	Lượng hóa chất sử dụng		
	Loại hóa chất	Khối lượng (kg/tháng)	Mục đích
1	Chlorine	35.6	Khử trùng nước
2	Cation Polymer	13	Ép bùn

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

❖ **Điện năng sử dụng**

Bảng 20. Định mức tiêu hao năng lượng điện của trạm xử lý 320 m³/ngày.đêm

Stt	Chi phí điện năng tiêu thụ	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Công suất	Thời gian	Điện tiêu thụ
		thiết bị	thiết bị hoạt động	thiết bị dự phòng	tiêu thụ	hoạt động	
		Máy	Máy	Máy	kW	Giờ (h)	
1	Bơm nước thải bể gom	2	1	1	1,5	16	24
2	Bơm nước thải bể điều hòa	2	1	1	1,5	22	33
3	Motor khuấy trộn bể khử Photpho	1	1	0	0,75	20	15
4	Motor khuấy trộn bể thiếu khí Anoxic	2	1	1	0,75	24	18
5	Máy thổi khí bể Aerotank	3	2	1	5,5	24	132
6	Bơm nội tuần hoàn	2	1	1	1,5	24	36
7	Motor giàn cào bùn bể lắng	1	1	0	0,55	20	11
8	Bơm bùn bể lắng	2	1	1	1,5	24	36
9	Bơm lọc	2	1	1	2,2	20	44
10	Bơm định lượng Chlorine	2	1	1	0,04	22	0,88
11	Bơm định lượng Cation Polymer	2	1	1	0,04	8	0,32
12	Motor khuấy Cation Polymer	1	1	0	0,37	8	2,96
13	Máy ép bùn	1	1	1	0,37	8	2,88
14	Bơm rửa máy ép bùn	1	1	0	0,2	6	1,2
15	Máy nén khí	1	1	0	2,2	6	13,2
	Tổng công suất tiêu thụ điện						370,44
	<i>Giá điện theo Quyết Định số:648/QĐ-BCT ngày 20/03/2019 (VNĐ/KWh)</i>						2.000
	Chi phí điện (VNĐ/ngày)						746.880

Bảng 21. Danh mục nguyên, vật liệu sử dụng cho HTXLNT

STT	Thông số	Đơn vị	Định mức sử dụng (kg/m ³ nước thải)	Khối lượng	Nguồn cung cấp
I	Điện	kW/tháng		11.113	Việt Nam
II	Nước sạch	m ³ /tháng		30	Việt Nam
III	Nhân công	nhân công		1	Việt Nam
IV	Hóa chất				

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Thông số	Đơn vị	Định mức sử dụng (kg/m ³ nước thải)	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Chlorine	kg/tháng	0,009	35,6	Việt Nam
2	Cation polymer	kg/tháng		13	Việt Nam



Hình 13. Hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh của cơ sở bao gồm các nguồn sau

❖ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông và khu vực công cộng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông mua bán và vận chuyển hàng hóa trong khuôn viên chợ là nguồn phát sinh khí thải chính của dự án.

Để đảm bảo hạn chế tác động tiêu cực do bụi và khí thải từ hoạt động giao thông và khu vực công cộng (đường giao thông, vỉa hè,..) Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Toàn bộ sân đường nội bộ được bê tông hóa.
- Hạn chế tốc độ di chuyển của các xe vận chuyển ra vào khu viên chợ
- Bố trí các thùng rác vừa và lớn tại các vị trí phù hợp trong khuôn viên chợ.
- Ký hợp đồng quét dọn, thu gom rác tại chợ với Công ty TNHH Một Thành Viên Môi Trường Đô Thị TP.HCM . Thời gian thực hiện thu gom chia làm 02 ca trong ngày.
 - + Ca 1: từ 6h00 đến 11h00.
 - + Ca 2: từ 13h00 đến 17h30.
- Trồng cây xanh có tán dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO₂, CO₂, ... Diện tích bố trí cây xanh 6705.8 m².
- Định kỳ nạo vét, thông hố ga và cống rãnh đảm bảo hệ thống thoát nước mưa và nước thải không bị tắc nghẽn, định kỳ 6 tháng/lần.
- Thiết kế kios thông thoáng bằng phương pháp thông gió tự nhiên.

❖ **Khí thải và mùi hôi từ khu vực trạm ép rác**

- Bố trí khu vực tập kết rác tách biệt các khu vực khác.
- Tổ chức thu gom rác thải hàng ngày.
- Tăng cường công tác vệ sinh quét dọn hàng ngày.

❖ **Mùi hôi phát sinh từ nhà vệ sinh**

- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh khu vực nhà vệ sinh.
- Sử dụng nước xịt phòng để khử bớt mùi hôi.
- Trang bị xà phòng rửa tay.
- Định kỳ kiểm tra, sửa chữa các thiết bị được lắp đặt trong nhà vệ sinh.

❖ **Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải**

Đối với hệ thống xử lý nước thải, mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy kỵ khí tại các bể như: bể thu gom, bể điều hòa và bể chứa bùn.

- Đối với bể thu gom: thực hiện cài đặt bơm bể gom phù hợp để nước thải không lưu chứa quá lâu trong bể.
- Đối với bể điều hòa: xây dựng bể có nắp đậy và bố trí đường ống sục khí để hạn chế vi khuẩn kỵ khí phát triển gây mùi.

- Đối với bể chứa bùn: xây dựng bể có nắp đậy, bố trí đường ống sục khí đáy bể và thực hiện ép bùn thường xuyên để giảm quá trình phân hủy kỵ khí.

❖ **Khí thải phát sinh từ quá trình vận hành và sử dụng máy phát điện**

Đối với máy phát điện là nguồn gây ồn và phát sinh khí thải, chủ Cơ sở đã triển khai thực hiện các việc sau:

- Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định của nhà sản xuất
- Xây dựng phòng đặt máy hợp lý cho máy phát điện dự phòng (01 máy đặt tại quây rau, 01 máy đặt tại quây thịt).
- Lắp đặt ống khói phát tán khói với chiều cao 3.5m so với mặt đất.



Hình 14. Máy phát điện đặt gần khu nhà lồng chợ rau



Hình 15. Máy phát điện đặt gần khu nhà lồng chợ thịt

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường trường

❖ Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được Chủ dự án phân loại, thu gom và xử lý theo Quyết định số 12/2019 và QĐ số 09/2021 của UBND Tp. Hồ Chí Minh về việc quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- Bố trí các thùng rác 240L, 660L dọc theo vị trí khuôn viên chợ.
- Ký hợp đồng với Công ty TNHH Một Thành Viên Môi trường Đô Thị Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc quét dọn và thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Tần suất thu gom 1 lần trên ngày đối với rác thải có mặt trong chợ.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Bảng 22. Bảng thống kê chất thải rắn sinh hoạt

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2024 (tấn)	Khối lượng năm 2023 (tấn)	Khối lượng đề xuất cấp phép	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	Chất thải rắn sinh hoạt (thức ăn thừa; rau củ quả thải bỏ...)	19.254,42	26.438,06	31.726	Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM
	Tổng khối lượng	19.254,42	26.438,06	31.726	

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

❖ Chất thải rắn công nghiệp

– Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu là bìa carton và nhựa từ các thùng chứa hàng. Phần lớn các rác thải này đều được tiêu thương bán cho bên thu mua phế liệu thay vì thải bỏ.

❖ Bùn thải

Bùn từ hệ thống xử lý nước thải:

– Bùn thải chủ yếu phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải trung bình. Bùn sau khi ép được bỏ vào bao sau đó được thu gom xử lý hằng ngày theo quy định.

Đối với tính chất nước thải sinh hoạt với loại hình hoạt động của chợ như cơ sở thì hàm lượng cơ chất, dinh dưỡng trong nước không ổn định. Do đó với những thời điểm thấp tải, lượng bùn được tuần hoàn 100% để duy trì hàm lượng bùn vi sinh trong bể hiếu khí. Khi lượng bùn trong bể đạt ngưỡng ổn định, bùn dư sẽ được dẫn về bể tự hoại, phần bùn dư khoảng 30% lượng bùn sinh ra.

Lượng bùn nước dư đi vào bể chứa bùn:

$$Q_b = 30\% (0,8 \times m_{SS} + 0,3 \times m_{BOD_5}) \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

+ Q: lưu lượng nước thải (m³/ngày): Q = 150 m³/ngày

+ m_{SS}: hàm lượng bùn dư tính theo SS (kg/ngày): m_{SS} = Q x m'_{SS}

m'_{SS}: nồng độ SS đầu vào của trạm XLNT – tham khảo (mg/l): m'_{SS} = 720 mg/l

+ m_{BOD₅}: hàm lượng bùn dư tính theo BOD₅ (kg/ngày): m_{BOD₅} = Q x m'_{BOD₅}

m'_{BOD₅}: nồng độ BOD₅ đầu vào của HTXLNT – tham khảo (mg/l): m'_{BOD₅} = 270 mg/l

+ D: Khối lượng riêng của bùn: 1,4T/m³

Lượng bùn nước dư kiến đi vào bể chứa bùn:

$$Q_b = 30\% [0,8 \times (320 \times 720) + 0,3 \times (320 \times 270)] / 1.000$$

$$= 63,1 \text{ kg/ngày tương đương } \mathbf{23 \text{ tấn/năm}}$$

Bùn thải phát sinh sẽ được lưu tại ngăn chứa bùn của bể tự hoại thể tích 13,69m³ → hoàn toàn đáp ứng với tần suất thu gom tối đa 2-3 lần/năm.

Hướng dẫn, quản lý bộ phận vận hành hệ thống xử lý nước thải có biện pháp lưu chứa, xử lý sơ bộ bùn thải không để phát sinh mùi hôi làm ảnh hưởng đến khu vực Cơ sở và khu vực xung quanh.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

– Bùn thải từ nạo vét hố ga, công thoát nước mưa, nước thải, bùn từ bể tự hoại được thu gom xử lý định kỳ theo quy định.

Bùn từ bể tự hoại:

- Thể tích của bể tự hoại: $W = W_n + W_c$
- Thể tích phần nước: $W_1 = (a \times N \times T) / 1000 \text{ (m}^3\text{)}$

Trong đó:

a : tiêu chuẩn lượng nước thải tính trung bình trên đầu người, $a = 100 \text{ l/người.ngày đêm}$.

N: Số lượng nhân viên và thương lái bán trong khu vực chợ, $N_1 = 1.140 \text{ người}$.

T : Thời gian lưu nước tại bể tự hoại, $T = 0,25 \text{ ngày}$.

Vậy: Thể tích phần nước của Cơ sở

- + $W_n = (100 \times 1.140 \times 0,25) / 1000 = 28,5 \text{ (m}^3\text{)} \rightarrow$ Cơ sở bố trí 08 bể tự hoại dung tích tổng 32 m^3 là hoàn toàn đáp ứng khả năng lưu giữ, xử lý.
- Thể tích phần bùn lắng từ bể tự hoại

$$W_b = a \times N \times t \times (100 - P_1) \times 0,7 \times 1,2 / (100 - P_2) \times 1.000$$

Trong đó :

a : Tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người, $a = 0,4 - 0,5 \text{ V}_{\text{người.ngày đêm}}$

N : Số lượng người trong tòa nhà sử dụng nhà vệ sinh , $N = 1.140 \text{ người}$.

T : thời gian lưu cặn bùn , $t = 90 \text{ ngày}$

b: Hệ số tính đến 30% cặn đã được phân giải, $b = 0,7$

c: Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại trong bể tự hoại, $c = 1,2$

P1: Độ ẩm của cặn tươi, $P_1 = 95\%$

P2: Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, $P_2 = 90\%$

- Thể tích cặn của bể

$$W_{\text{cặn}} = [0,5 \times 1140 \times 90 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2] / [(100 - 90) \times 1000] = 22 \text{ (m}^3\text{)} \sim \mathbf{15,7 \text{ tấn/3 tháng} = 62,8 \text{ tấn/năm}}$$

Bao bì, giấy, bì carton thải:

Theo thống kê năm 2024 lượng phát sinh khoảng 25.050 kg/năm , cơ sở đề xuất với khối lượng tối đa xin cấp phép là 30.060 kg/năm

– Toàn bộ chất rắn sinh hoạt được nhân viên cơ sở thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn không để lẫn với chất thải tái chế chất thải nguy hại. Thực hiện lưu trữ, thu gom theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 05/2025/TT-BTNMT.

4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại (CTNH)

- Toàn bộ chất thải rắn nguy hại được nhân viên thu gom, phân loại tại nguồn không

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

để lẫn với các chất thải khác. Thực hiện lưu trữ, thu gom theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh tại chợ đầu mối phía Bắc thành phố (chợ Tân Xuân – Hóc Môn): chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy, dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải không chứa clo.
- Thực hiện việc phân loại chất thải đầu nguồn, trang bị đầy đủ các thiết bị để lưu chứa, phân loại CTNH theo quy định của pháp luật.
- Chất thải nguy hại chủ yếu được lưu chứa trong các thùng đựng rác 240L, vật liệu được làm chủ yếu từ nhựa HDPE, không thấm nước. Có dán nhãn cảnh báo loại chất thải đang được lưu chứa bên trong.
- Có kho lưu chứa chất thải riêng biệt, cách xa khu vực chợ, có kết cấu tường bao, mái tôn, nền bê tông chám thấm diện tích 7,6m².
- Công ty tiếp tục ký hợp đồng số với Công ty TNHH Một Thành viên Môi trường đô thị TP.HCM để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
- Phân loại, lưu chứa theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về Quy định chi tiết của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Theo dõi, lưu trữ các liên chứng từ theo đúng quy định hiện hành.

Bảng 23. Bảng thống kê chất thải rắn nguy hại

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2024 (kg)	Khối lượng năm 2023 (kg)	Khối lượng phát sinh đề xuất cấp phép	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	4	13	PH-HR-CL	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Thành phố. Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX
Pin, ắc quy thải	16 01 12	4	1	9	PH-TĐ-CL	
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không cơ clo	17 02 02	4	1	32	TĐ	
Tổng số lượng		9	6	54		

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)



Hình 16. Kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

❖ Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh tiếng ồn là không thể tránh khỏi. Các nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ:

- Hoạt động giao thương, mua bán trong khuôn viên chợ.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Chợ, các phương tiện chủ yếu là xe tải, xe bán tải và xe máy.
- Hoạt động từ máy phát điện.
- Hoạt động từ hệ thống xử lý nước thải.

❖ Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động giao thương, mua bán trong khuôn viên chợ

- Công ty đặt ra nội quy hoạt động trong chợ, tránh xảy ra các trường hợp gây mất trật tự trong chợ.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên chợ để giảm thiểu tiếng ồn.

❖ Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động giao thông ra vào chợ

- Tổ chức đội bảo vệ thường xuyên kiểm tra nhắc nhở các chủ phương tiện.
- Giới hạn tốc độ di chuyển của các phương tiện khi lưu thông trong khuôn viên chợ

❖ Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động từ máy phát điện

- BQL chợ cũng áp dụng các biện pháp bổ sung để hạn chế mức thấp nhất tác động của các nguồn ồn này, cụ thể như sau:
 - Xây dựng phòng đặt máy hợp lý cho máy phát điện dự phòng (1 máy đặt gần quầy rau, 1 máy đặt gần quầy thịt).
 - Máy móc, thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng.
 - Nền đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao.
 - Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.
 - Lắp đặt bộ phận giảm thanh cho máy phát điện.

❖ Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động từ hệ thống xử lý nước thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- HTXL nước thải được xây dựng ở khu phụ trợ, cách xa khu vực chợ, đảm bảo việc vận hành HTXL nước thải không làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thương trong chợ.
- Bố trí máy thổi khí nằm trong nhà để đảm bảo giảm độ ồn phát sinh.
- Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định, thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

6. Phương án phòng ngừa, sự cố môi trường

6.1. Sự cố cháy nổ, hỏa hoạn

❖ Một số biện pháp phòng chống cháy nổ

- Hệ thống PCCC đã được Cảnh sát PCCC Tp.HCM cấp giấy chứng nhận Thẩm duyệt về PCCC tại văn bản số 1215/TD-PCCC(KT).
- Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống PCCC và đã được nghiệm thu hệ thống bởi Công an thành phố Hồ Chí Minh. Các nội dung được thẩm duyệt bao gồm:
 - + Kiến trúc;
 - + Cấp thoát nước;
 - + Cấp điện;
 - + Hệ thống chống sét;
- Công ty thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật liên quan. Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng. Các thiết bị chính của hệ thống PCCC tại chợ gồm:
 - Hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy bằng sắt tráng kẽm đường kính D100-D60.
 - Nguồn nước cung cấp cho hệ thống PCCC được cung cấp từ hầm chứa nước ngầm có dung tích 120 m³.
 - Cụm bơm PCCC bao gồm:
 - 01 Bơm chữa cháy công suất 30HP
 - + Lưu lượng : 27-28 m³/h
 - + Đường kính họng : 50 mm
 - + Cột áp : 89,5 – 71,7m
 - 01 Bơm chữa cháy công suất 50HP
 - + Lưu lượng : 600 – 1450 lít/phút
 - + Đường kính họng : 76 mm
 - + Cột áp : 90 – 40m
 - Bố trí chữa cháy bằng và các bình xịt CO₂ loại MT5 (5kg) tại các vị trí thuận tiện như hành lang, cầu thang. Đặt các bản tiêu lệnh PCCC tại các nơi để bình chữa cháy.
 - Tắt cả đường ống lắp đặt nổi và các thiết bị chữa cháy đều sơn màu đỏ.
 - Cơ sở có 01 cửa chính ra vào rộng khoảng 8 -10m, thông ra đường nội bộ và 2 cửa phụ rộng khoảng 8 – 10m thông ra đường số 4 và đường DS 10, các lối đi lại bên trong rộng từ 5 – 8m thông thoáng. Với đặc điểm trên thuận lợi cho việc thoát hiểm, di chuyển tài sản, triển khai công tác chữa cháy và cứu nạn – cứu hộ khi có sự cố xảy ra.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

– Nguồn điện cung cấp cho cụm bơm chữa cháy là nguồn điện ưu tiên (từ lưới điện và máy phát khi lưới điện có sự cố mất điện).



Hình 17. Bình CO₂ và các biển báo PCCC được trang bị tại nhưng nơi dễ nhìn thấy



Hình 18. Bể chứa nước và bơm PCCC tại cơ sở

❖ Một số biện pháp phòng chống cháy nổ:

- Hệ thống cấp điện an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra.
- Các phương tiện chữa cháy được bố trí tại nơi rất dễ thấy và dễ lấy.
- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy.
- Các loại nguyên liệu, dung môi dễ cháy sẽ được chứa và bảo quản ở nơi thoáng, với hàng rào cách ly và có tường rào;
- Thành lập đội PCCC. Liên hệ với Công an PCCC của địa phương để tập huấn và thực hành thao tác PCCC định kỳ 01 năm/lần.

❖ Chi tiết phương án xử lý trong trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ

Bước 1: Báo động toàn bộ Chợ, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán tiểu thương, khách hàng và nhân viên theo các hướng thoát hiểm.

Bước 2: Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của công ty và sử dụng những phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị sẵn tại Chợ để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy lan sang khu vực khác.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Bước 3: Gọi điện thoại đến các cơ quan chức năng khi đám cháy xảy ra, tùy theo quy mô của đám cháy mà thứ tự ưu tiên như sau:

- Gọi điện thoại đến lực lượng PCCC của khu vực.
- Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC theo số điện thoại 114.
- Gọi đến cơ quan công an (113) nhằm trợ giúp ngăn chặn giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông và ngăn ngừa tính hiếu kỳ của người dân.
- Gọi điện thoại báo cho Công ty Quản lý Chợ.

Bước 4: Di tản những tài sản trong chợ. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của chỉ huy cứu nạn cứu hộ.

6.2. Sự cố hóa chất

Sự cố hóa chất của cơ sở xảy ra chủ yếu liên quan đến lượng hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành xử lý nước thải. Phương án xử lý trong trường hợp xảy ra sự cố:

- Đối với người bị nạn:
 - + Chuyển người bị nạn ra khỏi khu vực bị tràn, đổ hóa chất.
 - + Ngay lập tức khử nhiễm chỗ người bị tiếp xúc.
 - + Cấp cứu và chăm sóc y tế cho cá nhân bị thương.
- Đối với khu vực bị nạn:
 - + Sơ tán người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực tràn đổ.
 - + Áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế lan rộng chất tràn đổ.
 - + Bảo vệ khu vực bị tràn đổ để ngăn ngừa tiếp xúc.
 - + Thu gom chất bị tràn đổ và vật bị nhiễm bẩn, giẻ lau sử dụng làm vệ sinh khu vực bị tràn đổ phải được xử lý như chất bị tràn đổ.
 - + Khử nhiễm hoặc khử trùng và lau dọn khu vực tràn đổ, giẻ lau đã dùng vệ sinh không được sử dụng lại, khử độc được thực hiện từ vị trí ít bị nhiễm nhất đến chỗ bị nhiễm nhất.
 - + Khử nhiễm hoặc khử trùng các dụng cụ đã sử dụng.
- Báo cáo sự cố:
 - + Thông báo cho người phụ trách quản lý chất thải.
 - + Xác định tính chất của sự cố tràn đổ.
 - + Báo cáo vụ việc.

6.3 Sự cố môi trường

❖ Đối với bể tự hoại

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tắc đường ống thoát khí gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho bể tự hoại.
- Định kỳ phải tiến hành hút hầm cầu.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

❖ Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Một số biện pháp có thể khắc phục các sự cố tại hệ thống XLNT như:
 - + Đảm bảo vận hành nhà máy theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
 - + Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong nhà máy một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;
 - + Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của nhà máy, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
 - + Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của trạm xử lý;
 - + Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc các cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Bảng 24. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống XLNT

Sự cố	Giải pháp
Thiết bị vận hành hệ thống xử lý bị hư hỏng Hệ thống XLNT không đạt Hệ thống XLNT quá tải Hệ thống XLNT ngừng hoạt động Vỡ, tràn các bể XLNT	1.Về thiết kế công trình: + Hệ thống XLNT thiết kế với hệ số an toàn cao: Khi thiết kế hệ thống xử lý nước thải có tính lưu lượng nước thải tối đa khi Công ty đi vào hoạt động hết công suất. Lưu lượng có hệ số an toàn 1,2 (công suất thiết kế cao hơn lưu lượng nước thải tính toán phát sinh 1,2 lần), tải lượng tính toán với nồng độ chất ô nhiễm cao + Các thiết bị (bơm, máy thổi khí) trong bể đều lắp đặt ít nhất 2 thiết bị, 1 chạy 1 dự phòng, phòng ngừa trường hợp 1 thiết bị hư hỏng có thể sử dụng thiết bị còn lại tăng cường, chờ thay thế sửa chữa. Các thiết bị được lựa chọn là của các hãng sản xuất uy tín và phổ biến trên thị trường để dễ dàng mua thay thế hoặc sửa chữa. + Tự động hóa quy trình vận hành: hóa chất sử dụng bơm định lượng nhằm tạo sự chính xác và ổn định cho quá trình vận hành 2.Về xây dựng công trình: + Lựa chọn đơn vị xây dựng uy tín + Các bể đều được xây dựng bằng bê tông cốt thép, với bể dày đảm bảo chịu được áp lực nước, có khảo sát địa chất trước khi thiết kế xây dựng nhằm gia cố móng phù hợp, đảm bảo các bể không bị nứt, vỡ, rò rỉ khi vận hành + Xây dựng hệ thống XLNT theo thiết kế đã được duyệt + Đảm bảo thử tải ổn định trước khi đưa vào vận hành 3.Quá trình vận hành thường xuyên + Trang bị đủ hóa chất, điện nước phục vụ cho vận hành hệ thống XLNT + Tuyển dụng nhân viên vận hành đủ năng lực, được đào tạo chuyển giao công nghệ, hướng dẫn vận hành kỹ càng bởi đơn vị thiết kế hệ thống XLNT, đảm bảo nhân viên biết cách vận hành hiệu quả và có thể xử lý các sự cố nhỏ thường xuất hiện. + Yêu cầu nhân viên vận hành ghi chép hàng ngày nhật ký vận hành gồm lưu lượng nước thải vào và ra, lượng điện, hóa chất sử dụng, lượng bùn phát sinh nhằm kịp thời phát hiện khi có hiện tượng quá tải về lưu lượng. + Yêu cầu nhân viên vận hành phân tích chất lượng nước thải hàng ngày nhằm phát hiện kịp thời sự cố quá tải.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Sự cố	Giải pháp
	+ Thường xuyên kiểm tra các hạng mục, kịp thời phát hiện tình trạng nứt, rò rỉ để xử lý tránh bể bị vỡ gây tràn nước thải. + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, trang bị các thiết bị dự phòng bổ sung để thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng. + Thực hiện giám sát chất lượng nước thải định kỳ hàng quý để đảm bảo nước thải ra luôn đạt quy chuẩn cho phép. + Có Hướng dẫn vận hành hệ thống XLNT đặt tại hệ thống XLNT, trong đó nêu rõ quy trình vận hành, kiểm soát, phòng ngừa và ứng phó sự cố tại hệ thống XLNT do đơn vị thiết kế, thi công hệ thống lập, hướng dẫn lại cụ thể cho nhân viên vận hành và thường xuyên được cập nhật trong quá trình vận hành thực tế hệ thống
	4.Thiết bị Các thiết bị sau được trang bị nhằm nhanh chóng phát hiện các sự cố đối với hệ thống XLNT. Trang bị đồng hồ đo lưu lượng nước thải để kiểm soát lưu lượng xử lý của hệ thống, kịp thời nhận biết sự tăng/giảm lưu lượng để có kế hoạch xử lý phù hợp.
	5.Nhân lực Công ty thuê đơn vị chuyên môn vận hành trạm XLNT để đảm bảo chất lượng nước sau xử lý luôn đạt tiêu chuẩn xả thải. Ngoài ra, công ty cũng đã thành lập đội bảo trì bảo dưỡng, bộ phận kiểm soát chất lượng để kiểm soát thường xuyên công tác vận hành của nhà thầu.

Bảng 25.Các sự cố và biện pháp khắc phục của hệ thống xử lý nước thải

Sự cố			Nguyên nhân	Kiểm tra	Hành động
Thiết bị	Bơm	Không đủ lưu lượng	Rò rỉ khí hoặc lưu chất chỗ đệm cơ khí bị nghẹt	Kiểm tra đệm cơ khí Kiểm tra cánh bơm	Vệ sinh
		Quá nhiệt, tiếng ồn bất thường	Không hoạt động được	Có vật lạ rơi vào cánh bơm	Vệ sinh cánh bơm
			Quá tải	Bulong, vít không được siết chặt	
			Mòn bạc đạn	Bạc đạn thiếu mỡ hoặc hư hỏng	Bơm mỡ Thay thế khi có hư hỏng
	Máy thổi khí	Có kêu bất thường	Dây cua ro bị chùng	Kiểm tra dây cua ro	Căng dây cua ro Thay thế dây cua ro
			Bulong chưa siết chặt	Biểm tra bulong, khớp nối, đường ống cơ khí	Siết chặt lại
			Bông lọc khí dơ	Kiểm tra bông lọc	Vệ sinh
	Bơm hóa chất	Không lên	Đường ống hút bị rò rỉ	Kiểm tra đường ống hút	Siết chặt các rắc co nối ống
			Bị nghẹt đầu bi	Vệ sinh đầu bi	Lấy dị vật ra khỏi đầu bi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Sự cố			Nguyên nhân	Kiểm tra	Hành động
			Hư màng	Kiểm tra màng bơm	Thay thế khi hư hỏng
	Máy khuấy	Có tiếng kêu bất thường	Thiếu mỡ bôi trơn	Kiểm tra bạc đạn	Bơm mỡ Thay thế khi hư hỏng
		Máy rung mạnh khi hoạt động	Bulong chưa được siết chặt	Kiểm tra Bulong	Siết chặt các bulong
			Cánh khuấy bị hỏng	Kiểm tra cánh khuấy, kiểm tra trục	Sửa chữa, thay thế khi hư hỏng
Nước thải	Nước thải đầu vào vượt thông số thiết kế				Phối hợp xác định nguyên nhân và lên phương án khắc phục Làm lại thí nghiệm jarrest điều chỉnh hóa chất và các thông số vận hành
	Lưu lượng tăng đột biến quá tải hệ thống			Kiểm tra mực nước bể điều hòa	Tăng lưu lượng xử lý, khi tăng >10% thiết kế thì phải điều chỉnh lại thông số vận hành
	Không có nước			Lưu lượng nước thải bể điều hòa Chất lượng nước tại bể gom	Tích trữ nước thải vào bể điều hòa Lên phương án vận hành hệ thống gián đoạn
	Nước sau xử lý không đạt		Thông số đầu vào tăng bất thường Hóa chất xử lý không đủ Cụm xử lý sinh học không đạt hiệu quả	Hóa chất xử lý Cụm xử lý sinh học Thông số vận hành hệ thống Chất lượng nước đầu vào hồ gom	Thí nghiệm jarrest điều chỉnh lượng hóa chất sử dụng Điều chỉnh thông số vận hành Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm
Điện	Mất điện hệ thống điều khiển		Mất điện đột ngột	Sử dụng máy phát điện dự phòng	Tắt lần lượt các thiết bị trên tủ điều khiển Khi có điện trở lại kiểm tra đủ điện áp, dòng điện, pha, mở lần lượt các thiết bị và cài đặt lại thời gian hoạt động

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Sự cố		Nguyên nhân	Kiểm tra	Hành động
	Đèn báo pha tử điện không đủ	Đèn hư Không đủ pha	Kiểm tra đèn báo pha Phối hợp với bộ phận quản lý vận hành kiểm tra lại nguồn điện	Ngừng tất cả các thiết bị Khi nguồn điện ổn định mới hoạt động lại các thiết bị
	Tai nạn điện	Rò rỉ điện	Ngắt nguồn điện qua người nạn nhân	Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện Giữ nạn nhân nghỉ ngơi không cho hoạt động ngay Hô hấp nhân tạo, xoa bóp lồng ngực, chuyển đến cơ sở y tế gần nhất
Hóa chất	Hóa chất dính vào người	Hóa chất dính vào người		Dùng nước sạch rửa ngay chỗ tiếp xúc với hóa chất và rửa nhiều lần Liên hệ cán bộ y tế để được hỗ trợ Tại mỗi khu vực bồn chứa hóa chất đều có vòi nước sạch sẵn sàng sử dụng khi cần thiết
	Tràn đổ hóa chất	Đường ống hóa chất bị rò rỉ Bồn hóa chất bị rò rỉ	Kiểm tra vị trí rò rỉ	Chặn đường thoát nước khu vực bồn hóa chất để hóa chất không chảy ra xung quanh Dùng bơm chìm bơm lượng hóa chất còn lại qua bồn chứa khác Khắc phục sự cố Thay thế bồn chứa mới nếu hư hỏng
Vi sinh	Bùn nổi	Vi sinh vật dạng sợi chiếm số lượng lớn	Kiểm tra DO bể Aerotank Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn Kiểm tra dinh dưỡng để đạt tỉ số COD:N:P=150:5:1 Kiểm tra pH	Nếu DO cuối bể hiếu khí <1,5mg/l, điều chỉnh tăng lượng khí thổi vào bể để đạt > 2mg/l Châm dinh dưỡng Điều chỉnh bơm định lượng NaOH

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Sự cố		Nguyên nhân	Kiểm tra	Hành động
		Quá trình Denitrat hóa xảy ra khi Nitơ kéo bùn nổi lên trên bề mặt nước	Kiểm tra nồng độ nitrat ở đầu vào của bể lắng Kiểm tra thời gian và lưu lượng bơm bùn dư Kiểm tra bơm tuần hoàn nước	Tăng tốc độ bơm bùn Tăng thời gian, lưu lượng bơm nội tuần hoàn Giảm lưu lượng nước thải
	Nước thải sau lắng đục	Bể Aerotank bị khuấy trộn mạnh	Kiểm tra DO	Điều chỉnh máy thổi khí
		Bùn già	Kiểm tra bùn	Tăng thời gian xả bùn dư
		DO không đủ	Kiểm tra DO 2-4mg/l	Điều chỉnh máy thổi khí
	Bùn đen	Thiếu khí	Kiểm tra DO	Điều chỉnh máy thổi khí
	Nhiều bọt	MLSS quá thấp	Kiểm tra SV30	Tăng thời gian, lưu lượng bơm tuần hoàn Bổ sung dinh dưỡng nếu thiếu Giảm máy thổi khí
		Chất hoạt động bề mặt	Kiểm tra nước đầu vào (khu vực giặt tẩy)	Vớt, xịt nước cho tan bọt, sử dụng thêm chất khử bọt nếu bọt nhiều ảnh hưởng xung quanh

Bảng 26. Các thông số cần kiểm tra của hệ thống xử lý nước thải

STT	Vị trí	Thông số	Chuẩn chấp nhận	Tần suất	Dụng cụ đo
1	Bể điều hòa	pH		Hàng ngày	Bút đo pH
		pH, COD, T.P, Amoni		1 lần/tuần	Bút đo pH, Kit test đo nhanh chỉ tiêu: COD, TP, Amoni
2	Bể Anoxic	pH, DO, SV30	pH: 6.5.-8.5 DO <0.5mg/l SV30:300-600 ml/l	Hàng ngày	Bút đo pH, Thiết bị đo DO cầm tay, Phễu lắng 1000 lít
3	Bể Aerotank	pH, DO, SV30	pH: 6.5-8.5 DO = 2-4mg/l SV30:300-600 ml/l (MLSS: 3000-4000mg/l)	Hàng ngày	Bút đo pH, Thiết bị đo DO cầm tay, Phễu lắng 1000 lít
4	Sau bể lắng	COD, T.N, pH, T.P,	Nước sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN14:2008/BTNMT, cột B	1 lần/tuần	Kit test đo nhanh các chỉ tiêu: COD, TN, TP, Amoni

❖ Biện pháp ứng phó sự cố chất thải

- Thường xuyên kiểm tra khu vực lưu trữ chất thải;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- Thường xuyên kiểm tra khả năng lưu chứa chất thải của các thiết bị, thùng chứa.
- Kiểm tra các biển báo của khu vực lưu trữ chất thải rắn, chất thải nguy hại.
- Các thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng phải được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên nhằm tránh hiện tượng rò rỉ, tràn đổ dung dịch lỏng trong quá trình lưu trữ.
- Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại có mái che mưa, che nắng, tường bao xung quanh và gờ chống tràn.

❖ Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

- Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nhằm ứng phó sự cố ngập úng:
 - + Thành lập đội công tác thường xuyên kiểm tra các khu vực, cống, đất dễ ngập úng.
 - + Thường xuyên thực hiện vệ sinh, nạo vét các miệng hố ga, nắp cống để đảm bảo sẽ thoát nước kịp khi có mưa lớn xảy ra, tránh hiện tượng ngập úng trong khuôn viên chợ, gây cản trở hoạt động giao thương trong phạm vi chợ Đầu mối.
 - + Thường xuyên, dọn dẹp vệ sinh, để các rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp không gây cản trở lưu thông của nước mưa trên địa bàn.
 - + Trong những tháng mùa mưa phải kiểm tra hệ thống thoát nước mưa, các cống thoát trước khi mùa mưa đến. Hạn chế sử dụng nhiều nước.
- Công ty cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B trước khi thoát ra hệ thống cống thoát nước chung.
- Trường hợp, hệ thống xử lý nước thải có sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ ở các bể, tuyệt đối không để nước thải thoát ra môi trường ngoài.
- Trường hợp, hệ thống cống thoát nước gặp sự cố: hệ thống xử lý nước thải được thiết kế xây dựng các bể với sức chứa lớn hơn công suất xử lý, nên trường hợp có sự cố nước thải sẽ được lưu chứa tạm ở các bể hoặc các thiết bị lưu chứa tạm thời (túi chứa nước PVC) để khắc phục sự cố.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn” tại Quyết định số 83/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 13/01/2017.

Bảng 27. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Nội dung	Theo QĐ phê duyệt số 83/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 13/1/2017	Phương án điều chỉnh thay đổi	Giải trình phương án điều chỉnh, thay đổi
1	Nguồn nước cấp	Nguồn nước cấp cho chợ lấy từ nguồn nước ngầm: Lưu lượng khai thác giếng nước ngầm: 276 m ³ /ngđ	Sử dụng nước thủy cục. Và khai thác giếng nước ngầm. Lưu lượng khai thác giếng nước ngầm: 300 m ³ /ngđ	Theo nhu cầu hoạt động của cơ sở. Cơ sở đã được cấp giấy phép khai thác số 1380/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2024
2	Công nghệ xử lý nước thải	<i>Đối với nước thải:</i> Nước thải → Ngăn tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể tiếp xúc Chlorine → Xả ra nguồn tiếp nhận. <i>Đối với bùn thải:</i> Bùn thải → Bể nén bùn → Hút bùn định kỳ.	Đối với nước thải: Nước thải → SCR thô → Hồ ga → Bể thu gom → Thiết bị lọc rác tinh → Bể điều hòa → Bể khử Photpho → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn phản ứng → Bồn lọc áp lực → Xả ra nguồn tiếp nhận. Đối với bùn thải: Bùn thải → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Thu gom đưa đi xử lý theo quy định.	Cơ sở đã bổ sung bể thiếu khí so với công nghệ được duyệt tại ĐTM được xét là tốt hơn vì bể này tại môi trường thiếu khí cho vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng phát triển giúp tăng khả năng xử lý Nitơ, photpho có trong nước thải. Bổ sung bồn lọc áp lực giúp tăng khả năng xử lý nước thải, lọc tất cả những gì còn sót lại đảm bảo nước sau xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B, K=1. Công nghệ này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM kiểm tra cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 906/GP-STNMT-CCBVMT ngày 03/11/2020.
3	Chương trình quan trắc môi trường	- Giám sát khí thải máy phát điện dự phòng - Giám sát nước thải sau xử lý - Giám sát chất thải rắn: CTR SH, CTR CNTT - Chất thải rắn nguy hại	- Quan trắc định kỳ nước thải	Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường dự án không thực hiện quan trắc môi trường không khí xung quanh.
4	Diện tích đất của cơ sở	97.148.000 m ²	84.507,6 m ²	- Chủ đầu tư đã chuyển nhượng 1 phần dự án là Khu chung cư cao tầng (diện tích 11.899,3m²) cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân theo Quyết định số 3572/QĐ-UBND ngày 23/07/2015 của Ủy ban nhân dân Tp. HCM - Sau khi chuyển nhượng Chủ đầu tư đã phối hợp với Trung tâm đo đạc bản đồ để đo đạc và xác định lại ranh đất với

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Nội dung	Theo QĐ phê duyệt số 83/QĐ-TNMT-CCBVM ngày 13/1/2017	Phương án điều chỉnh thay đổi	Giải trình phương án điều chỉnh, thay đổi
				diện tích được cập nhật là 84.507,6m² theo tờ bản đồ số 67201/CN-TNMT – được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 10/04/2014 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CT56292 ngày 30/06/2013 với diện tích đất được cấp là 84.507,6m²
5	Quy mô hoạt động	167 sạp kinh doanh rau 60 sạp kinh doanh trái cây 90 sạp kinh doanh thịt 23 điểm kinh doanh ăn uống	Tổng số kios và sạp sau điều chỉnh là: 354 kios/sạp ** Số sạp hiện hữu đang hoạt động: 308 kios/sạp - Khu nhà lồng chợ rau: 227 sạp - Khu nhà lồng chợ thịt: 50 sạp - Dây Ki - ốt (6): 31 kios ** Số sạp xây dựng bổ sung sau khi được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch và được cấp giấy phép môi trường: 46 kios Dây ki - ốt 6a, 6b, 6c: 46 kios	Theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm c khoản 3 sửa đổi bổ sung khoản 2 khoản 3 điều 27 của nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 tại khoản 9 điều 1 Nghị Định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì cơ sở không thuộc đối tượng phải lập lại hồ sơ môi trường. Xét theo điểm c, khoản 4 điều 37 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội thì Cơ sở thuộc trường hợp tự đánh giá tác động đến môi trường, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật do đó Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn xin được tích hợp nội dung trên vào trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở

❖ Đánh giá mức độ đáp ứng các công trình bảo vệ môi trường đối với các nội dung thay đổi

Chợ Đầu Mối phía Bắc thành phố (Chợ Tân Xuân – Hóc Môn) với loại hình xây dựng thương mại, dịch vụ, đã có những thay đổi so với QĐ phê duyệt số 83/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 13/1/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh về việc báo cáo đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Tuy nhiên, các nội dung thay đổi không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường theo khoản 1 Điều 30 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Các công trình bảo vệ môi trường được thay đổi nhằm đáp ứng tốt hơn về chất lượng và sự ổn định của nước thải sau xử lý.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở lập hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường lần đầu.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hầm hoại ba ngăn;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống (Căn – tin);
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của chợ (vệ sinh thịt heo, xịt rửa nhà lồng thịt, xe đẩy thịt heo);
- Nguồn số 04: Nước thải lau sàn, rửa nhà vệ sinh;
- Nguồn số 05: Nước thải vệ sinh từ trạm ép rác.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

1.2.1 Lưu lượng xả thải tối đa:

Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép là: 320 m³/ngày.đêm; 13,33 m³/giờ.

1.2.2 Dòng nước thải:

- + 01 dòng nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B với K = 1, theo đường ống D600mm thoát ra hệ thống cống thoát nước chung của Thành phố trên đoạn thuộc đường số 10, xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh.

1.2.3 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Bảng 28. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải của cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	TDS	mg/l	1000		
5	Sunfua	mg/l	4		
6	Amoni	mg/l	10		
7	Nitrat	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

1.2.4 Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 320 m³/ngày đêm được đầu nối ra hệ thống cống thoát nước chung của khu vực dẫn ra kênh Tiêu liên xã.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- Vị trí đầu nổi xả thải: Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn: hố ga A28, đường số 10, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước chung của khu vực dẫn ra kênh Tiêu liên xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.
- Tọa độ vị trí xả thải (*hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°*):
$$X(m) = 1.201.018; Y(m) = 592.571$$
- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Chế độ xả thải: Liên tục (24/24 giờ).

1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.3.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của cơ sở được thu gom dẫn về bể tự hoại đặt tại mỗi nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ, nước thải sau xử lý được dẫn về tuyến cống thoát nước chung của cơ sở D300-D400 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm để xử lý.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống (Căn – tin) được thu gom dẫn về tuyến cống thoát nước chung của cơ sở D300-D400 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm để xử lý.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của chợ (vệ sinh thịt heo, xịt rửa nhà lồng thịt, xe đẩy thịt heo) được thu gom bằng các mương hở, độ dốc thiết kế đảm bảo thu nước về hố ga tập trung từ đó dẫn về tuyến cống thoát nước chung của cơ sở D300-D400 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm để xử lý..
- Nguồn số 04: Nước thải lau sàn, rửa nhà vệ sinh được thu gom bằng các mương hở, độ dốc thiết kế đảm bảo thu nước về hố ga tập trung từ đó dẫn về tuyến cống thoát nước chung của cơ sở D300-D400 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 05: Nước thải vệ sinh từ trạm ép rác được thu bằng các rãnh thu nước bố trí bao quanh trạm ép rác dẫn về hố thu nước sau đó theo tuyến ống D60 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 320m³/ngày đêm để xử lý.
- Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung 320m³/ngày đêm xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B với K = 1 sẽ theo đường cống BTCT D600mm, chiều dài 7,5m thoát ra hệ thống cống thoát nước chung của Thành phố tại hố ga A28, đường số 10 xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn.

1.3.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → SCR thô → Hố ga → Bể thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể điều hòa → Bể khử Photpho → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn phản ứng → Bồn lọc áp lực → Xả ra nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 320m³/ngày.đêm
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, Mật rỉ đường

1.3.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

1.3.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tập huấn an toàn lao động định kỳ cho cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bố trí nhân viên quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.

- Đầu tư dự phòng các thiết bị dễ bị hư hỏng như máy bơm (01 máy hoạt động, 01 máy dự phòng), nhằm sẵn sàng thay thế kịp thời khi có sự cố xảy ra, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn được vận hành liên tục.

- Đảm bảo nguồn cung cấp điện để duy trì hoạt động của các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải; kiểm tra thiết bị, tủ điện, quy trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống xử lý nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

2.1 Nguồn phát sinh khí thải:

- *Nguồn phát sinh khí thải không có hệ thống xử lý:*

+ Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành máy phát điện dự phòng công suất 350KVA.

+ Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành máy phát điện dự phòng công suất 250KVA.

- *Nguồn phát sinh khí thải có hệ thống xử lý:* Không có.

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Lưu lượng xả khí thải tối đa của cơ sở khoảng 5.760 m³/giờ, cụ thể:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành máy phát điện dự phòng công suất 350KVA với lưu lượng xả khí tối đa khoảng 3.360 m³/giờ.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành máy phát điện dự phòng công suất 250KVA với lưu lượng xả khí tối đa khoảng 2.400 m³/giờ.

4.2.3. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Vị trí xả khí thải: tại số 14/7A ấp 23, đường Nguyễn Thị Sóc, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 350KVA (sử dụng nhiên liệu dầu DO). Tọa độ vị trí xả khí thải:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

X (m): 1 201 148 Y (m): 592 882

– Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 250KVA (sử dụng nhiên liệu dầu DO). Tọa độ vị trí xả khí thải:

X (m): 1 201 144 Y (m): 592 770

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

2.4. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Bụi, khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng công suất 350KVA, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).
- Dòng khí thải số 02: Bụi, khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng công suất 250KVA, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).

2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (dòng số 01 và dòng số 02) chỉ xả gián đoạn trong trường hợp có sự cố mất điện, không yêu cầu có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho các thiết bị này phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, rung:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành máy phát điện dự phòng công suất 350KVA.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành máy phát điện dự phòng công suất 250KVA.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải công suất 320 m³/ngày đêm.

3.2. Giá trị tối hạn đối với tiếng ồn, độ rung

3.2.1. Giá trị tối hạn đối với tiếng ồn

Các nguồn gây ra tiếng ồn do hoạt động của Cơ sở không được vượt quá giá trị quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn được trình bày như sau:

Bảng 29. Thông số về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (Dba)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (Dba)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	≤ 70Dba	≤ 55Dba	Không	Khu vực thông thường

3.2.2. Giá trị tối hạn đối với độ rung

Các nguồn gây ra độ rung do hoạt động của Cơ sở không được vượt quá giá trị theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung được trình bày tại bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Bảng 30. Thông số về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70Db	60Db	Không	Khu vực thông thường

4. Yêu cầu về quản lý chất thải

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh

4.4.1 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 31. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	31.726
	Tổng khối lượng	31.726

4.4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 32. Khối lượng CTR CNTT không có khả năng tái chế, tái sử dụng phát sinh

STT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	25
2	Bùn thải từ bể tự hoại	62,8
3	Bao nilon và giấy carton	30,060
	Tổng khối lượng	117,86

4.4.3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

Bảng 33. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Phương pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	13	PH-HR-CL
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	9	PH-TĐ-CL
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không cơ clo	17 02 02	32	TĐ
	Tổng số lượng		54	

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) *Thiết bị lưu chứa*: Trang bị thùng nhựa cứng màu cam và có nhãn dán với số lượng 03 thùng 120 lít có nắp đậy.

Quy định tại điểm d, Khoản 5, Điều 35 (02/2022/TT-BTNMT) đối với thiết bị lưu chứa chất thải có thành phần nguy hại dễ bay hơi được quy định phải có nắp đậy kín và

biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp xả, phải có biện pháp kiểm soát nắp đầy tràn để đảm bảo mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10cm. Trong trường hợp thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đầy kín nhưng phải có mái che hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.

Cơ sở đã có sự phân loại, lưu giữ riêng theo từng loại chất thải trong thùng chứa. Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường. Không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường. Được lưu giữ ở một kho chứa riêng. Nhưng cần bổ sung cửa, và nắp đầy cho thiết bị chứa các rác thải nguy hại, đồng thời bổ sung nền kín tránh trường hợp sự cố, chất thải nguy hại bị thoát ra ngoài.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: diện tích 7,6m².
- Thiết kế, cấu tạo: tường mái tôn, có mái che, có lỗ thoát nước chảy tràn đầu nối vào đường ống thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải, xung quanh có gờ bao bao quanh, tránh dung dịch của chất thải bị rò rỉ ra ngoài.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: trang bị thùng nhựa cứng màu xanh, có nắp đầy kín và có nhãn dán với số lượng khoảng 54 thùng (loại 660L).

b) Khu lưu chứa chất thải:

- Diện tích: diện tích 1.711m².
- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch cao 5m bao bọc xung quanh khu chứa chất thải rắn sinh hoạt, có đường ống thu gom nước thải phát sinh về hệ thống xử lý nước thải. Khu lưu chứa chất thải có 2 cửa để ra vào: một cửa hướng ra đường số 4 và một cửa hướng vào nội bộ khu chợ. Rác được tập kết tại đây và sau đó được vận chuyển đến nơi xử lý.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải thông thường

Bùn từ hệ thống xử lý nước thải được chứa trong bể chứa có thể tích 13,69 m³.

Bùn từ bể tự hoại được chứa trong 08 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 04 m³/bể.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Định kỳ trước 15/01 mỗi năm cơ sở đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường và gửi đến các cơ quan chức năng với nội dung báo cáo như sau:

1.1 Thông kê sản lượng sản xuất năm 2023 và năm 2024

Bảng 34. Sản lượng sản xuất

Hàng bông	Rau củ Đà Lạt	Trái cây	Dưa hấu	Thơm	Rau lá	Thịt heo
Năm 2023						
109.176	355.236	82.692	12.624	28.008	122.496	139.284
Năm 2024						
108.804	358.008	80.412	11.172	24.600	114.984	135.840

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

1.2 Nhiên liệu sử dụng năm 2023 và năm 2024

Bảng 35. Nhu cầu nhiên liệu

STT	Tên nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng		Mục đích sử dụng
			2024	2023	
1	Dầu DO	lít/năm	645	728	Chạy xe cầu, xe nâng và máy móc, thiết bị cơ khí,...

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

1.3 Điện năng tiêu thụ

Bảng 36. Điện năng tiêu thụ

Năm 2024	Năm 2023
254.678 kWh	266.542 kWh

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

2.1 Thống kê lượng nước cấp sử dụng

Bảng 37. Thống kê nước khai thác trung bình tại cơ sở

Năm 2024	Năm 2023
3.003m ³ / tháng = 100,1 m ³ /ngày	3.017m ³ / tháng = 100,6m ³ /ngày

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn, 2025)

2.2 Tổng lưu lượng nước trao đổi nhiệt xả ra ngoài môi trường: Không có

2.3 Kết quả quan trắc nước thải định kỳ

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Số lượng mẫu quan trắc: 02 mẫu/1 lần quan trắc (trước và sau hệ thống xử lý nước thải)
- Thông số quan trắc và quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K = 1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Bảng 38. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị tính	Đợt 1 21/05/2024	Đợt 2 25/10/2024	
----	----------	-------------	---------------------	---------------------	--

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

			Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	QCVN 14:2008/ BTNMT cột B, K = 1
1	pH		6,74	7,21	6,59	7,07	5-9
2	BOD ₅	mg/l	411	14	415	17	50
3	TDS		357	311	441	322	1000
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	249	31	129	10	100
5	Amoni N-NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	25,4	1,11	0,87	0,14	10
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	25,4	KPH	43,9	1,4	4
7	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,88	0,92	0,16	2,3	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	7,32	KPH	11,8	KPH	20
9	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	1,68	0,26	12,5	KPH	10
10	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,43	KPH	3,9	KPH	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	70.000	KPH	18.000	810	5.000

Bảng 39. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả sau xử lý		QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K = 1
			Đợt 1 (06/06/2023)	Đợt 2 (24/11/2023)	
1	pH		7,22	6,92	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	4,80	KPH	50
3	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/l	6,03	1,94	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	8,0	6,0	100
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	274	343	1.000
6	Tổng dầu mỡ ĐTV	mg/l	KPH	2,02	20
7	Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)	mg/l	3,95	0,207	10
8	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	0,221	0,051	4
9	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/l	0,048	KPH	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH	KPH	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	4,4x10 ³	KPH	5.000

Kết luận: Kết quả phân tích nước thải sau xử lý của Chợ đầu mối phía Bắc thành phố (Chợ Tân Xuân – Hóc Môn) đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, K = 1.

2.4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

– Vị trí quan trắc:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- + KK1: Khu vực cổng chợ
- + KK2: Khu vực bốc xếp
- + KK3: Khu trạm XLNT
- + KT1: Ống khói máy phát điện 350KVA;
- + KT2: Ống khói máy phát điện 250KVA.
- Số lượng mẫu quan trắc: 07 mẫu/1 lần quan trắc
- Thông số quan trắc và quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

Bảng 40. Danh mục thông số quan trắc khí thải

STT	Thành phần môi trường quan trắc	QCVN
I	Môi trường không khí xung quanh	
1	Độ rung	QCVN 27:2010/BTNMT
2	Tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT
3	Bụi, SO ₂ , NO ₂	QCVN 05:2013/BTNMT
4	NH ₃ , H ₂ S	QCVN 06:2009/BTNMT
II	Khí thải máy phát điện	
1	Nhiệt độ, Lưu lượng	-
2	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x	QCVN 19:2009/BTNMT

Bảng 41. Bảng kết quả quan trắc đối với không khí xung quanh 2024

STT	Ký hiệu	Ký hiệu mẫu	Thông số						
			Độ rung	Tiếng ồn	SO ₂	NO ₂	Bụi TSP	NH ₃	H ₂ S
			Db	Dba	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³
Đợt 1 (14/06/2024)									
1	KK1	QT.033	40	68,7	95	105	105	75	19
2	KK2	QT.034	38,8	66,1	69	75	100	60	30
3	KK3	QT.035	31,9	69,2	60	65	70	76	38
4	KK4	QT.036	39,1	69,5	75	70	105	50	20
5	KK5	QT.037	36	67,8	90	100	118	60	38
Đợt 2 (25/11/2024)									
1	KK1	QT.006	54,3	68,5	78	80	121	91	34
2	KK2	QT.007	46,3	69,5	76	83	118	84	40
3	KK3	QT.008	40,7	62,9	74	78	116	53	44
4	KK4	QT.009	46,3	66,4	75	81	112	94	32
5	KK5	QT.010	48,1	63,7	71	83	114	50	34
QCVN 27:2010/BTNMT			70	-	-	-	-	-	-
QCVN 26:2010/BTNMT			-	70	-	-	-	-	-
QCVN 05:2013/BTNMT			-	-	300	350	200	-	-
QCVN 06:2009/BTNMT			-	-	-	-	-	200	42

Bảng 42. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2024

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Ký hiệu vị trí	Ký hiệu mẫu	Thông số					
			Nhiệt độ	Lưu lượng	Bụi tổng	CO	SO ₂	NO _x
			°C	Nm ³ /h	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
Đợt 1 (14/06/2024)								
1	KT1	QT.031	187	710	58	357	KPH	220
2	KT2	QT.032	168	650	52	437	KPH	314
Đợt 2 (25/11/2024)								
1	KT1	QT.092	182	620	52	383	KPH	346
2	KT2	QT.093	235	610	48	374	KPH	214
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B K _p = 1; K _v = 0,8			-	-	160	800	400	680

Bảng 43. Bảng kết quả quan trắc đối với không khí xung quanh định kỳ năm 2023

STT			Ký hiệu vị trí	Ký hiệu mẫu	Thông số						
					Độ rung	Tiếng ồn	SO ₂	NO ₂	Bụi TSP	NH ₃	H ₂ S
					Db	Dba	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³
					Đợt 1 (09/05/2023)						
1	KK1	QT.054	42	70,7	86	76	160	33	48		
2	KK2	QT.055	37	68,6	74	86	113	22	45		
3	KK3	QT.056	32	60,3	62	59	87	44	31		
4	KK4	QT.057	37	65,6	79	73	124	29	42		
5	KK5	QT.058	35	64,8	64	61	94	18	38		
					Đợt 2 (08/11/2023)						
1	KK1	QT.004	56,3	66,4	112	101	152	100	28		
2	KK2	QT.005	52,1	64,1	86	80	111	69	35		
3	KK3	QT.006	40,8	60,4	64	72	76	81	20		
4	KK4	QT.007	42,6	65,2	80	69	116	61	15		
5	KK5	QT.008	47,2	66,2	96	88	121	67	34		
QCVN 27:2010/BTNMT			70	-	-	-	-	-	-		
QCVN 26:2010/BTNMT			-	70	-	-	-	-	-		
QCVN 05:2013/BTNMT			-	-	300	350	200	-	-		
QCVN 06:2009/BTNMT			-	-	-	-	-	200	42		

Bảng 44. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2023

STT	Ký hiệu vị trí	Ký hiệu mẫu	Thông số							
			Nhiệt độ	Lưu lượng	Bụi tổng	CO	CO ₂	SO ₂	O ₂	NO _x
			°C	m ³ /h	mg/Nm ³	mg/Nm ³	%V	mg/Nm ³	%V	mg/Nm ³
Đợt 1 (09/05/2023)										
1	KT1	QT.052	190,5	753	51,8	151		KPH		257

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

STT	Ký hiệu vị trí	Ký hiệu mẫu	Thông số							
			Nhiệt độ	Lưu lượng	Bụi tổng	CO	CO ₂	SO ₂	O ₂	NO _x
			°C	m ³ /h	mg/Nm ³	mg/Nm ³	%V	mg/Nm ³	%V	mg/Nm ³
2	KT2	QT.053	146,8	992	48,9	171		KPH		297
Đợt 2 (08/11/2023)										
1	KT1	QT.002	166,8	790	62,7	379	-	KPH	-	321
2	KT2	QT.003	17,5	680	56,4	304	-	KPH	-	320
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p = 1, K_v = 0,8			-	-	160	800	-	400	-	680

Kết luận: Môi trường không khí quanh đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2013/BTNMT. Tiếng ồn, độ rung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung. Khí thải từ ống khói máy phát điện của cơ sở đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B K_p = 1, K_v = 0,8.

2.5 Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (trường hợp thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động) của từng năm: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp trạm quan trắc tự động

2.6 Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải (nếu có): Không có

2.7 Các lần kết quả quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giá trị giới hạn cho phép (nếu có) trong giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục: Không có

2.8 Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đã được thi công hoàn thiện từ khi đi vào hoạt động cho đến nay, hệ thống vẫn hoạt động ổn định, đảm bảo được khả năng xử lý nước thải.

Tại cơ sở đã có đội ngũ nhân viên kỹ thuật vận hành túc trực 24/7 để theo dõi quá trình hoạt động của hệ thống cũng như các lỗi phát sinh nếu có để kịp thời khắc phục cũng như định kỳ 3 tháng 1 lần sẽ có các đợt bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái ổn định.

2.9 Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → SCR thô → Hố ga → Bể thu gom → Thiết bị lọc rác tinh → Bể điều hòa → Bể khử Photpho → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn phản ứng → Bồn lọc áp lực → Xả ra nguồn tiếp nhận.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- Theo hoá đơn theo dõi nước cấp và sổ theo dõi nước thải tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở cho thấy hệ thống hiện vẫn đang hoạt động ổn định đáp ứng về công suất xử lý cũng như công nghệ xử lý.

- Nước thải sau xử lý của cơ sở qua các đợt lấy mẫu phân tích định kỳ đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN14:2008/BTNMT, Cột B, K=1.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Tại cơ sở không có công trình xử lý bụi, khí thải

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):

Không thuộc đối tượng

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất): Không thuộc đối tượng

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

6.1 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải sinh hoạt

Bảng 45. Thống kê lượng chất thải sinh hoạt năm 2023 và 2024

Năm	Khối lượng chất thải	Đơn vị tính	Đơn vị thu gom xử lý
2023	26.438,06	Tấn/năm	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị TP.HCM
2024	19.254,42		

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

6.2 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải công nghiệp thông thường

Bảng 46. Thống kê lượng chất chất thải công nghiệp thông thường năm 2023 và năm 2024

Nhóm CT CNTT	Khối lượng chất thải	Đơn vị tính	Đơn vị thu gom xử lý
Bùn thải từ HTXLNT	33.125 kg	53.225	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị TP.HCM
Bùn thải từ nạo vét hố ga nước mưa, nước thải	-	-	
Bao nylon và giấy carton	25.050kg	18.342	

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

6.2 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải nguy hại

Bảng 47. Thống kê lượng chất thải nguy hại năm 2023 và năm 2024

Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải năm 2023 (kg)	Khối lượng chất thải năm 2024 (kg)	Đơn vị thu gom xử lý
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	4	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM
Pin, ắc quy thải	16 01 12	4	1	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải năm 2023 (kg)	Khối lượng chất thải năm 2024 (kg)	Đơn vị thu gom xử lý
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không cơ clo	17 02 02	4	1	
Tổng		9	6	

(Nguồn: Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn, 2025)

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Cơ sở luôn hoạt động tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, các quy định tại Quyết định số 83/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 13/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn” của Công ty cổ phần thương mại Hóc Môn thực hiện nghiêm túc việc quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường và nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm đến cơ quan có thẩm quyền.

Trong năm 2023, 2024 và cho đến nay, cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, cụ thể như sau:

Theo khoản 5, Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được chia làm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 01: Điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý chất thải.
- Giai đoạn 02: Đánh giá hiệu quả xử lý chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định.

Theo khoản 4 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở đã được xây dựng hoàn thiện với công suất 320 m³/ngày đêm và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 906/GP-STNMT-TNNKS ngày 03/11/2020 (*giấy phép môi trường thành phần*) nên cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM đã nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở vào ngày 17/05/2005 và chấp thuận cho Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đưa hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động chính thức (*Theo Công văn số 3649/TNMT-QLMT ngày 08/06/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc “nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải”*).

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Căn cứ vào khoản 46 sửa đổi, bổ sung khoản 2, điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 : Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ
- Căn cứ theo khoản 1 và khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Căn cứ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này, cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.
- Căn cứ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này, cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục.

3. Hoạt động quan trắc môi trường định kì, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoạch theo đề xuất của chủ cơ sở:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt:**

- Vị trí: Khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt;
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom;
- Tần suất giám sát: hàng ngày
- Quy định: Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

❖ **Chất thải nguy hại:**

- Vị trí: Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại;
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom;
- Tần suất giám sát: Hàng ngày
- Quy định: Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

Không áp dụng đối với cơ sở.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành cơ sở, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước và UBND thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

- Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, CTNH phát sinh, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT Cột B ($K = 1,0$) trước khi thoát vào cống thoát nước chung của thành phố trên đường số 10, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

- Cam kết khí thải tại cơ sở đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,6$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20: 2009/BTNMT.

- Cam kết đối với dầu DO dùng cho máy phát điện tại cơ sở là dầu DO chất lượng cao, có hàm lượng lưu huỳnh thấp ($<0,05\%$), đảm bảo đạt các tiêu chuẩn về hàng hoá.

- Cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khu vực máy phát điện và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

- Có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời và có trách nhiệm trong việc giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Cam kết thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Dừng ngay hoạt động xả thải để xử lý, đồng thời có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan chức năng để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới chất lượng, số lượng nước nguồn tiếp nhận nước thải hoặc một thông số ô nhiễm trong nước thải vượt quá quy định cho phép.

- Cam kết chỉ xả nước thải sau xử lý vào vị trí đã đề nghị cấp phép.

- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành cơ sở, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước và UBND thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn”

- Cam kết thực hiện các quy định về báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, nộp về các cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.
- Công ty cam kết đã hoàn thành các thủ tục gồm: pháp lý về đất đai, chỉ tiêu quy hoạch về hạ tầng cao công trình, thẩm định thiết kế xây dựng công trình; chủ cơ sở đảm bảo chấp hành giải quyết xong các nghĩa vụ tài chính đất đai, thuế, phí, vi phạm hành chính, các tranh chấp, các yêu cầu của cơ quan chức năng khác.
- Chủ cơ sở cam kết chấp hành đúng đủ các điều khoản của Luật đầu tư, Luật đất đai, Luật PCCC và các quy định pháp luật khác có liên quan đến cơ sở.